Số 4 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Aout 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 397

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

CHỦ NHÂN
TẢM-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÀNG LONG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM ĐỨC-GIANG
1926

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết** *Phụ-luận về cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề.*

2 — **Gia-đình** *Đối với ý-kiến gia-đình của ông Tạ-quang-Cát.*

3 — **Thường-thức** *Việc Pháp-luật : Cách-thức tố-tụng thuộc về dân-sự, thương-sự. Pháp-luật vấn-đáp. Phụ-dịch bài: "Nên giảng cầu pháp-luật" của ông Lương-khải-Siêu.*

4 — **Văn-học** *Ông Mạc-đĩnh-Chi ở Cao-Ly.*
Thế giới vĩ-nhân liệt-truyện : Hoàng-Hưng.
Mấy nhời nói nhỏ cùng chị em bạn gái.
Âu-văn tạp-dịch.
Văn-thơ
Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết)

5 — **Thời-Sự** *Những cuộc nội-nghị trong nước :*
Việc cứu dân bị lụt.
Cuộc quốc-trái 2.060.000 $
Các Báo mới ở Nam-kỳ.
Giới-thiệu sách mới.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :

từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** ; Nửa năm, **2 $ 20** ; Mỗi số **0 $ 20**

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

TẢN-ĐÀ TU-THƯ-CỤC

QUẢNG-CÁO

Gần đây, nhiều Ngài viết thư về hỏi việc

Hán-Văn-Hàm-Thụ

Quốc-Văn-Hàm-Thụ

Muốn mua cùng là nhận bán lẻ

Những sách xuất-bản của

Tản-Đà Tu-thư-cục

Nay vì công việc An-nam tạp-chí đương bận cho nên việc Tu-thư-cục chưa kịp kinh-lý đến: xin các Ngài tạm đợi ít lâu khi nào bản-cục có thể lại tiến-hành hai việc **HÀM-THỤ** và in lại được các sách đã (vì hiện nay nhiều thứ sách đã hết cả) sẽ có nhời quảng-cáo ở An-nam tạp-chí.

Tản-Đà Tu-thư-cục

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Cẩn-bạch

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ - Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Một thứ sách rất có giá-trị ở Nam-Kỳ

Tự-Do Tùng-Thư

của Quân-Hiến Trần-Hữu-Độ

Đã xuất bản :

1° — Tờ cớ mất quyền tự-do. . . . . giá 0 $ 60

2° — Hồi trống tự-do (Quyền nhất, quyền nhì, quyền ba)

Giá mỗi quyển 0 $ 20

Gửi bán ở nhà-in **XƯA-NAY** *chủ nhân NGUYỄN-HÁO-VĨNH*

62-64, *Boulevard Bonnard, SAIGON*

(Kỳ sau, Bản-chí sẽ có bài bình-luận đặc-biệt)

Một tờ báo rất có cảm-tình với người Bắc

NHỰT-TÂN-BÁO

112, Rue d'Espagne - SAIGON

Một năm **6 $ 00** – nửa năm **3 $ 50**

Thơ và mandat gửi cho M. CAO-HẢI-ĐỆ, chủ-nhân

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo Annam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào, Hanoi

và Chi-điếm : 17, Phố Khách, Haiphong

N° 4 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Août 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

PHỤ LUẬN VỀ CÁI CHỦ-NGHĨA PHÁP-VIỆT ĐỀ-HUỀ

Cái chủ-nghĩa "*Pháp-Việt đề-huề*", xướng lên tự cụ **PHAN-BỘI-CHÂU**(1) là một nhà Hán-học rất có giá-trị với quốc-dân, muốn đem mà thực-hành là ông **BÙI-QUANG-CHIÊU** là một nhà Pháp-học rất có giá-trị với quốc-dân, vậy thời quốc-dân ta chỉ cứ nên kính tin mà mong tưởng là phải, can chi phải thêm nhởi bàn luận nữa ru ? Tuy nhiên, từ xưa hào-kiệt thánh hiền, ngôn hành chưa hẳn đã không sai, thời như cái chủ-nghĩa "*Pháp-Việt đề-huề*" ở nước Việt-Nam ta ngày nay, cũng nên rộng để cho quốc-dân phụ-luận vậy.

Hai chữ "*đề-huề*", nghĩa là *dắt-díu*, tức như người nhớn cầm tay đứa bé mà dắt cho cùng đi (2). Bốn chữ "*Pháp-Việt đề-huề*" nghĩa là *Pháp-Việt hai nước dắt-díu nhau*, tức là người nước Đại-Pháp dắt người nước Việt-Nam mà cho cùng bước theo, để đi lên con đường văn-minh của thế-giới vạn quốc vậy. Vậy thời cứ như bốn chữ đó mà danh thực tương phỏ, giống dân An-nam ta chắc sẽ có ngày được theo cùng Đại-Pháp mà chen vai góp mặt với doanh-hoàn ; cái khoái-lạc ở nơi đại-vũ-đài của thế-giới vạn quốc kia, con cháu Lạc-Hồng cũng sẽ được kiễng chân mà ngó mắt. Tưởng như thế thời cái chủ-nghĩa *Pháp-Việt đề-huề*, quốc-dân ta thật chỉ nên cứ tung hô vạn tuế vậy. Nay cứ cái danh-hiệu đó mà xét với sự-thực,

(1) Cũng có người hỏi rằng cái chủ-nghĩa đó không phải tự cụ Phan xướng lên ; nay cứ các nhà xuất-bản đứng là tên cụ Phan, vậy nên bài xã-thuyết đây cũng phụ theo như thế. Nếu quả sự-tình không thực, sẽ xin thưa lại với Cụ.

(2) Ở kinh Lễ : 長者與之提携 *Trưởng-giả dữ chi đề huề*.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

từ khi có Đại-Pháp sang bảo-hộ đến nay, các việc thiết-lộ học-đường, nghị-trường báo-quán, mở-mang cho dân ta cũng thực nhiều ; lại như du-học tòng-chinh, người An-nam ta sang Pháp cũng không ít. Như thế mà bảo rằng " không là Pháp Việt đề-huề ", tưởng người Pháp hẳn không công nhận ; bảo rằng " thật là Pháp Việt đề-huề ", tưởng người Việt ta cũng chưa hẳn đã công-nhận vậy. Cứ một sự chưa quyết đó mà nghĩ : quả đã là Pháp Việt đề-huề, thời không cần chi cụ Phan phải xướng luận mà ông Bùi-quang-Chiêu mong thực-hành ; quả chưa là Pháp Việt đề-huề, thời xướng-luận và thực-hành cái chủ-nghĩa đó, nên do ở người Pháp mà không nên do ở người Việt vậy. Vì là sao ? Hai chữ " *đề-huề* ", quyền ở người Pháp. Tự người Pháp mà xướng cái chủ-nghĩa đó, muốn thực-hành cái chủ-nghĩa đó thời là lượng nhân-từ, lòng quảng-đại đối với dân thuộc-địa ; tự người Việt mà xướng cái chủ-nghĩa đó, mong thực-hành cái chủ-nghĩa đó, nghĩ chẳng khó lắm ru ? Trong thiên *Pháp-Việt đề-huề* của cụ Phan-bội-Châu nói « người Pháp nên coi người Việt-Nam như anh em mà không nên coi là nô lệ », ấy là đối với Chánh-phủ Pháp mà khuyên về hai chữ " *đề-huề* ". Trong nhời quảng-cáo báo *Tribune Indochinoise* của ông Bùi-quang-Chiêu in ở *Đông-Pháp-Thời-báo*, chủ-đích là " làm cho người Pháp người Nam cùng ở đất này, quyền lợi hưởng thụ, cùng cân bằng nhau ", ấy là hướng vào Chánh-phủ Pháp mà yêu-cầu hai chữ " *đề-huề* ". Nghĩ như ý-tưởng của hai vị vĩ-nhân hiện-thời của nước ta đó, mà tưởng kiến cái hung-hoài của các ngài ái quần ái quốc, đáng sùng bái là nhường bao! Tuy nhiên, phàm ngôn-luận hành-sự, quí ở có thực-hiệu. Nếu người Pháp nghe nhời cụ Phan-bội-Châu mà coi người An-nam như anh em, thời là nhời nói của cụ Phan có thực-hiệu ; nếu người Pháp không nghe nhời cụ Phan-bội-Châu mà chẳng coi người An-nam như anh em, thời cụ Phan nghĩ sao ? quốc-dân ta nghĩ sao ? Nếu người Pháp theo ý ông Bùi-quang-Chiêu mà để cho quyền-lợi ở đất này, người Pháp người Việt cùng cân bằng nhau, thời là ý-tưởng của ông Bùi có thực-hiệu ; nếu người Pháp không theo ý ông Bùi-quang-Chiêu mà bảo cho quyền-lợi người hai nước cứ là không bằng nhau, thời ông Bùi nghĩ sao ? quốc-dân ta nghĩ sao ? Cho nên cái chủ-nghĩa " *Pháp-Việt đề-huề* " rất là hạnh-phúc cho quốc-dân Việt-Nam mà tự người Việt-nam ta không nên xướng luận và mong tưởng thực-hành vậy.

Nay lại lấy Pháp Việt hai nước đối với nhau mà nghĩ : nước Pháp là một nước văn-minh chân-chính, rất có giá-trị thế-lực ở doanh-hoàn. Xem ở lịch-sử thời đại chánh-trị-gia như ông Mạnh-Đức-Tư-Cưu, đại triết-học-gia như ông Lư-Thoa, đại anh-hùng như ông Nã-Phá-Luân, đều là những vĩ-nhân trong thế-giới, có ảnh-ưởng đến toàn thế-giới. Xem ở hiện cục thời thuộc-địa nhượng-địa khắp các châu mà Đông-dương là một ; một cuộc Âu-châu đại-chiến, liên-lạc biết bao nước đồng-minh.

To nhớn thay! thật là nước Đại-Pháp vậy. Nước Nam ta, xem ở lịch-sử thời chánh-trị-gia là ai? triết-học-gia là ai? anh-hùng với thế-giới là ai? Xem ở hiện-cục thời còn được cái hân-hạnh nương-núp dưới ngọn cờ ba sắc, mà tam kỳ đồ-bản cũng góp tên trong cõi A-đông. Vẻ-vang cho nước Việt-Nam nhà! là một xứ thuộc-địa có giá-trị của nước Đại-Pháp vậy. Cứ sự so-sánh đó mà nghĩ, người Việt-nam ta thiết thân là người Pháp, có thể coi người Việt như anh em được chăng? Huống chi lại xem đến tư-cách người nước ta hiện nay, quan-trường thời tham ô, dân-gian thời ngu dại, danh bán-khai mà thực-tế hủ-bại, hình sĩ phu mà chân-tướng hạ-lưu (trừ ra có một số người rất ít). Như thế mà muốn cho người Pháp coi mình như anh em, nghĩ càng khó lắm vậy. Người Pháp đã khó thể coi người Việt như anh em thời cũng khó thể cho lợi-quyền bình-đẳng; vậy thời cái ý-nguyện của cụ Phan-bội-Châu và ông Bùi-quang-Chiêu mà mong chớ thoả-mãn, chẳng thực là khó quá lắm ru? Tất muốn thoả-mãn cái ý-nguyện của hai vị nhiệt-thành ái quốc đó, xin rãi bày ngu-kiến, phụ luận về cái chủ-nghĩa "*Pháp-Việt đề-huề*" *rằng:* nước Đại-Pháp sang bảo-hộ An-Nam, cứ hết lòng quảng-đại khai-hoá cho dân An-nam mà không lợi vì nước An-Nam, cho không thẹn với hai chữ *Đại-Pháp.* Dân An-nam ở dưới quyền bảo-hộ, cứ hết dạ trung thành với nhà nước Đại-Pháp mà không tự cam tâm làm nô lệ, mong được có quốc-dân tư-cách, cho không tủi với hai chữ *Lạc-Hồng.* Ấy tức là Pháp Việt đề-huề vậy. Một mai kia, trình-độ quốc-dân ta tiến lên, người Pháp mười mà người Việt ta được đến năm, người Pháp mười mà người Việt ta được đến bảy, người Pháp mười mà người Việt ta được đến chín; khi đó thời Pháp Việt đề-huề, tình càng hậu, ý càng thân, tự-nhiên càng sẽ biết nhau vậy. Trong kinh Thi có câu rằng: «自求多福 *tự cầu đa phúc*», cụ Phan-bội-Châu nghĩ chăng? ông Bùi-quang-Chiêu nghĩ chăng? quốc-dân ta nghĩ chăng?

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BÁO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo: 186 đường d'Espagne

Giá báo đồng niên 8$00

— — nửa năm 5 00

Thư và Mandats gửi cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng lý

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

社會之家庭說

GIA-ĐÌNH

Đối với ý-kiến gia-đình của ông Tạ-quang-Cát

Nước ta mấy nghìn năm nay, tôn-giáo trong nước vẫn theo về đạo Khổng phu-tử ; phàm những việc xử-kỷ tiếp-vật, tu-thân tề-gia, hết thảy lấy tiên-hiền cổ-triết làm gương, lấy truyện-nghĩa kinh-văn làm mực. Tuy rằng Khổng-giáo thật là rộng-rãi sâu xa, những chỗ tinh-vi, ít người hiểu thấu ; nhưng nếu hấp-thụ được ít nhiều tao-phách, cũng đủ làm tư-cách một người vô-tội, vì cái đạo-giáo đó chính là một thứ giây rất giai bền, có thể giàng cầm được thế-đạo nhân-tâm, cho loài người khỏi sa đắm vào vòng đại-ác đại-tội. Giống người Á-đông sở-dĩ sinh-tồn được đến ngày nay, cũng có một phần nhờ ở cái đạo-giáo ấy.

Tới nay, thế-vận khác xưa, phong-trào đổi mới, mà tôn-giáo của Khổng phu-tử vẫn lan chàn khắp xứ Á đông, dầm-thấm trong óc người hoàng-chủng, các nước Âu-Mỹ cũng công-nhận phải tôn-giáo đó là trung-dung chính-đáng, thiết-hợp với loài người ; đủ biết rằng ta theo đạo Khổng phu-tử cũng không phải là sự khờ dại sai nhầm vậy.

Trong Khổng-giáo, trọng nhất là luân lý ; các luân-lý, bắt đầu từ gia-đình. Luân-lý gia-đình thế nào ? trật tự người trên, người dưới có khác nhau, quyền-hạn người dưới người trên phải phân biệt, đó là một nhẽ. Xưa nay nhà nào đã gọi là có gia-phong tốt, gia pháp nghiêm, thì gia-đình đều theo cái khuôn-phép ấy cả.

Từ khi sóng Âu-châu chàn sang bờ cõi Việt-Nam, các phái xu-thời có nhiều người công-kích là luân-lý Khổng-giáo không thích-hợp với thời-cục, mà hỏi rằng không thích-hợp vì nhẽ gì, thì trong mười người có đến chín người đáp rằng " vì gia đình không được tự-do bình đẳng ". Quả thế thực. Nếu theo như luân lý Khổng-giáo thời gia-đình phải có trật-tự, phải có lễ-ý, ngôi cha bao giờ cũng ở trên ngôi con, quyền con bao giờ cũng không bằng quyền cha ; con bao giờ cũng phải coi cha như một ông vua ở trong nhà, mà lại phải tâm-phục là ông vua có giá-trị đủ tín ngưỡng, không như những vua các nước quân chủ gần nay. Cha dù có sai nhầm trái lẫn, con cũng chỉ được lấy nhời nhẽ mà can ngăn, chứ không được dùng lý-luật mà cách-mình. Như vậy, thực quả là không được bình-đẳng tự-do. Song ta phải biết rằng bốn chữ « tự-do, bình-đẳng » tuy cũng là cái thuyết rất hay, cũng là một vị thuốc chữa bệnh cho người nước ta bây giờ ; nhưng mà nếu dùng về gia-đình thì rất dở. Tại làm sao ? Là vì gia-đình là một đoàn-thể thiên-nhiên kết hợp, có người trên, có người dưới. Trên là ai ? là cha mẹ ; dưới là ai ? là con cái. Ví như một thân người, cha mẹ là đầu óc mà con cái là đùi chân ; ví như một nếp nhà, cha mẹ là dường nóc, mà con cái là nền tảng. Đầu óc tất phải ở trên đùi chân, dường nóc tất phải ở trên nền tảng thì người mới ra người, nhà mới ra nhà, đó là cái đẳng-cấp tự-nhiên, con Tạo đã xếp đặt sẵn-sàng như thế, không có thể viện nhẽ gì mà đảo-điên thay đổi cho được. Nay gia-đình cũng muốn tự-do, cha con cũng muốn bình-đẳng thì khác gì chân ngang với đầu, tảng ngang với nóc, có nhẽ thế chăng ? tất không vậy.

Ông Tạ-quang-Cát vì thủa trước đối với con có một chút ngộ-điểm, khiến cho gia-đình của ông đương sầm-uất mà hoá ra một cảnh tiêu-điều, đương vui-vẻ mà hoá ra một cuộc buồn-bã. Ông mới viết bài đăng ở mục *Gia-đình* của An-nam tạp-chí kỳ trước. Bài văn ấy, chủ-ý ông là muốn để sám-hối cùng các người con quá-khứ và lưu-lạc của ông, và lại muốn đem những cái ngộ-điểm của ông để làm gương mà nhắn khuyên những nhà có con trong đời nay không nên áp-chế con vậy. Văn ông viết, nhời nhẽ rất làm-ly, ý tứ rất thê-thảm; ai có tâm-huyết xem đến cũng phải động lòng, ngay luận-giả lúc đọc bài văn ấy, cũng có chút tình chủ trương cho ông. Tuy vậy, ông vì nóng-nảy về sự hối-quá, bồn-chồn vì sự thương con, đau xót cho cảnh gia đình mà viết ra văn, cho nên trong văn có nhiều câu ức-dương thái-quá, nói được một bên mà bỏ sót một bên, khiến cho luận-giả không thể vì sự áy-náy cho ông mà nín di không nói. Nói cho phải ra, bài ấy nếu là bài sám-hối thì đúng văn-pháp; nếu muốn đem cái ý-tưởng ấy mà khuyến giới những người có con thì chưa đủ là định-bình. Nay xin trích một vài câu mà bàn lại như dưới:

Ông Tạ tự hỏi rằng: « *Con có nợ cha mẹ không* ?» — Ông lại tự đáp rằng: « *Cù-lao dưỡng-dục là cái lụy chung của loài người, chứ không phải là cái lụy riêng của cha mẹ đối với con.* » Cứ như ý câu ấy thời hình như ông Tạ cho là con không phải nợ ơn cha mẹ. Ôi! chín tháng cưu mang, ba năm cơm sữa, công lao của cha mẹ đối với con cái biết là nhường bao. Tấm thân con nhờ cha mẹ mà được nên người, thì xuốt đời con tức là một món cho vay của cha mẹ. Nếu bảo rằng sinh con nuôi con là chức-phận của cha mẹ, sự sinh nuôi đó là cái lụy chung, cũng như Tạo-hóa sinh ra loài người; vậy thử hỏi thế-gian từ xưa đến nay, có ai được người ngoài phù-trì âu-yếm như cha mẹ yêu con hay không? có ai nhờ cậy vào người khác mà khác mủ được như con nhờ cậy vào cha mẹ hay không? Chắc ai cũng giả nhời là không. Thế thì câu vấn đáp của ông Tạ thật là vô-tình quá. Nếu có kẻ sẵn lòng vong-ân bội-nghĩa nghe thấy câu ấy mà ngộ-nhận làm một nhời xác-luận, mà coi công cha đức mẹ nhạt như nước lã, nhẹ như lông chim, thì hại cho phong-hóa biết chừng nào!

Ông Tạ lại tự hỏi rằng: « *Cha mẹ có thể cậy vào mấy chữ cù lao dưỡng-dục mà áp chế con không*? » Ông lại tự giải một đoạn rất giài, đại-ý hình như ông cho sự cha mẹ áp-chế con là không chánh-đáng, là ngược đãi con. Xem như câu: « *Cha mẹ có thể nhắm mắt cậy vào mấy chữ "công cha như núi Thái-sơn, công mẹ như nước trong nguồn chảy ra" mà bắt con chết con phải chết, để con sống con được sống, v . . . v . . .* » của ông, thì đủ biết ý ông đó. Nếu quả thế thì thật là nhầm. Cha mẹ vì nhiều tuổi hơn con, lịch-duyệt hơn con, cho nên phải dùng sự áp-chế mà giậy con, chứ có phải cậy vào mấy chữ "cù-lao dưỡng-dục" mà áp-chế con đâu? Vả lại sự áp-chế đó có phải như những người cường-quyền áp-chế kẻ hèn yếu không? có phải vì ghét con mà áp-chế không? có phải vì thù con mà áp-chế không? Không phải. Cha mẹ áp chế con, là áp chế một cách êm đềm, vì thương con, muốn cho con làm được việc hay, cho nên phải áp-chế; vì yêu con, muốn cho con chừa những điều sằng, cho nên phải áp-chế. Cha mẹ dù có sai nhầm mà áp chế những sự vô-lý chăng nữa, dù có già lẫn mà áp-chế đến quá độ chăng nữa, ta cũng có thể chắc rằng đều do ở lòng nhân-từ mà ra: vì rằng từ xưa đến nay, trừ những người có bịnh điên cuồng và những người có con gian-ác thì chưa thấy cha mẹ nào đang tay giết con bao giờ. Vậy thì những người con bị áp-chế đó, nếu là người hay, dẫu áp-chế đến thế nào, cũng

ó thể tìm cách kêu vạn, liệu nhời khuyên giải, có lo gì cha mẹ không hồi tâm. Xem như vua Ngu-Thuấn với ông Cổ-Tẩu (1), ông Mẫn-tử với bà kế-mẫu (2), thì đủ biết. Nếu người con bị áp-chế đó mà là người ngao-du mạnh-lãng, thì sự áp-chế của cha mẹ chính là xứng-đáng bổn-phận, còn nên oán-hận nỗi gì. Như thế thì ai bảo cha mẹ áp-chế con là không chánh-đáng, là ngược-đãi con, thật là không phải lắm.

Ông Tạ lại nói rằng: « *Ta mong rằng sẽ có một đạo luật để hạn-định quyền cha mẹ đối với con, bắt con phải dành cho cha mẹ 20% tiền lương của mình.* » Cái ý-tưởng ấy thật là vu-vơ lắm. Gia-đình không phải là nơi tứ-chiếng, cha con không phải như khách qua đường, cách ăn ở chỉ trọng tình nghĩa, mà không trọng ở lý sự, chỉ cần có luật lương-tâm mà không cần đến luật hiến-pháp. Nếu đã có lương-tâm thì dẫu chẳng đặt quyền-hạn mà cha mẹ vẫn thương yêu con; chẳng bắt để dành tiền lương mà con vẫn vui lòng phụng-dưỡng cha mẹ. Nếu không có lương-tâm mà phải dùng đến luật-pháp thì dẫu cha mẹ có thương con, cũng là sự miễn-cưỡng; con có phụng-dưỡng cha mẹ, cũng không phải sự chân-thành. Gia-đình như thế, còn có ra sao. Vả lại, nếu có luật hạn quyền cha mẹ đối với con mà cha mẹ cứ quá quyền-hạn, thì con có thể đem cha mẹ lên tòa án mà kiện được chăng ? Nếu có luật bắt con phải dành lương cho cha mẹ, mà con cứ không để dành, thì cha mẹ có thể đem con đến cửa quan mà thưa được chăng ? Như vậy thì dẫu đặt ra luật-lệ, chỉ thêm hại cho ân nghĩa, mà cũng không được ích gì.

Ông Tạ lại nói rằng : « *Khi con giai con gái đã ngoài 23 tuổi thì cha mẹ không có quyền hạn-định gì con nữa ; dù cha mẹ với con cùng ở chung một nhà, cũng nên cho tự-do* ». Câu ấy không những làm hư cho kẻ làm con, mà chức-phận cha mẹ cũng không nên chiều con nuông con đến quá độ như thế. Con mà hay thì cha mẹ cho tự-do cũng không hại gì ; con mà hư, cha mẹ cũng có quyền hạn-định mới là nhẽ phải ; con làm việc hay, cha mẹ cho tự-do cũng là thường-tình; con làm việc dở, cha mẹ cũng cho tự-do được sao ? Nói cho quá ra, con làm việc đốt nhà lấy của, cha mẹ cũng cho tự-do được sao? con làm việc buôn dân bán nước, cha mẹ cũng cho tự-do được sao ? Phàm những việc đó ; nếu cha mẹ cũng cho tự-do, thì kẻ hạ-thủ kia cố-nhiên là tội thủ-phạm, mà người dong túng đó cũng không chối được cái lỗi không biết giới-chấp. Như vậy thì cái ý " cho con tự-do " của ông Tạ cũng chưa phải tận-thiện.

Ông Tạ lại nói rằng: «*Con mình nó có cầu mình cho nó ra đâu, chỉ là tự mình cầu cho nó ra*». Câu đó thực là một câu thô-tục, mà lại thương luân bại lý, khiến cho các độc-giả không thể đọc được hết câu ; luận-giả nhắc lại ra đây cũng là vạn-bất-đắc-dĩ. Xin hỏi ông rằng : cái ý-niệm đó, nó phát sinh ở trong bụng ông từ bao giờ ? từ khi ông đã có những người con quá-khứ, hay là từ khi ông còn tựa nương dưới gối, hầu hạ song thân ? nếu cái ý-niệm đó mà phát sinh ở trong bụng ông từ khi ông còn tựa nương dưới gối, hầu hạ song thân, thì luận-giả cũng không cần bàn ; nhưng nếu mới phát sinh ở trong bụng ông, từ khi ông có những người con quá-khứ, thì có nhẽ bụng ông chia làm hai đoạn, trước sau phản đối với nhau. Tuy rằng ông nói, ông cũng giữ có một phần hơi phải, nhưng sợ những kẻ bất-nhân bất-hiếu lại lấy ông làm bung-

(1) Ông Thuấn, mẹ mất sớm, cha là ông Cổ-Tẩu nghe nhời mẹ con người vợ kế, đãi ông Thuấn rất ác-nghiệt. Nhưng ông vẫn cứ một lòng kính sợ không dám cưỡng lại, về sau ông Cổ-Tẩu cũng phải vui-vẻ với ông Thuấn.

(2) Ông Mẫn-Tổn bị bà dì-ghẻ thù ghét, chỉ cho ăn mặc những quần áo rách - rưới, bắt làm những việc khó nhọc, mà cho con riêng được sung-xướng. Người cha biết truyện, muốn bỏ người dì ghẻ ấy. Ông Mẫn-Tổn can rằng: « Dì ở chỉ có một con rét, mà dì đi thì ba con bồ-côi.» Cha lấy làm phải. Người dì ghẻ được khỏi bị đuổi, nghe thấy truyện đó, lấy làm cảm-phục Mẫn-Tổn, từ đó đãi ông cũng không khác gì con riêng của mình, thành ra người mẹ hiền.

xung, vin câu nói của ông làm khẩu-thực, thì hại cho nhân-đạo chẳng ít vậy.

Ông Tạ lại nói rằng: « *Đã để ý dò xét xem các gia-đình có thế không (có như gia-đình của ông không), non một năm xem xét, thì nhỡn-tiền trông thấy nhà này cha mẹ oán-thán là con theo luật tây, tự-do bình-đẳng, hoy trái quyền cha mẹ v. v.* »

Trong mấy câu đó hình như ông cho rằng con theo luật tây mà cha mẹ oán-thán, là cha mẹ không phải; hình như ông lấy sự con muốn tự-do bình-đẳng, trái quyền cha mẹ là hợp nhẽ. Nếu có phải ý ông như thế thì thực là nhầm. Luận-giả xin nhắc lại rằng: cái nghĩa tự-do bình-đẳng, chỉ nên dùng để đối với cường-quyền mà không nên dùng để đối với cha mẹ. Cái nhẽ cha con phải phân biệt trên dưới, và cái nghĩa con phải theo nhời cha mẹ, chính là công-lệ của giời đất an-bài, mà người ta sở-dĩ hơn được chim muông, cũng vì giữ được nhẽ đó, theo được lệ đó. Nếu con với cha mẹ mà cũng tự-do bình-đẳng, thì khác gì cái họ nhà tôm, khác gì một đàn cá mè? Hơn chim muông chăng, chẳng qua câu nói tiếng cười, manh quần tấm áo mà thôi. Thế thì những người oán thán vì con muốn bình-đẳng đó, cũng khổ-tâm lắm, chứ có phải là sự trái nhầm đâu?

Ta lại nên biết rằng: luật-lệ chỉ có thể dùng để xử-trí việc kiện tụng, đối đãi kẻ thù hằn; nếu đối với cha mẹ mà cũng dùng luật, thì dã-man lắm. Huống chi luật ta chưa đủ cãi, lại muốn dùng đến luật tây, thì thương-tâm biết dường nào! Ngay như người tây tưởng cũng chưa mấy kẻ nghiện luật đến như thế, mà có đến thế chăng nữa, cũng là những kẻ tội-ác không đủ kể chi. Ta sinh trưởng ở Á-châu, sẵn có nền luân-lý của đạo Khổng-phu-tử; nếu cứ theo đó mà cư xử, tưởng cũng đủ duy-trì phong hóa, để-tạo gia-đình, can chi phải vơ vét cái sáo bã văn-minh của người Thái-tây để làm cái tinh-túy của mình? Thậm chí vin luật tây mà để làm cớ tự-do bình-đẳng, trái quyền cha mẹ, thì thật đáng giận đáng bỉ, huống chi còn đáng bênh-vực nữa ru!

Ấy đại-ý trong bài văn của ông Tạ, phần nhiều là thiên-trọng như thế, quá đáng như thế, như thế có thể gọi là định-bình được chăng? Ôi, sự phát ngôn lập luận tuy là để tỏ cái ý-kiến của mình, nhưng mà phàm muốn bàn luận về sự gì có dan-díu đến hai phương-diện, thì trước khi hạ bút, ta phải cân nhắc xem rằng nâng phương-diện này có lụy gì đến phương-diện kia không; bênh phương-diện kia, có hại gì cho phương-diện này không, hễ có suy xét như thế thì khi phát luận mới được trung chính vô-tệ. Nay ông Tạ bàn về vấn-đề cha con mà lại quá trọng về phần người con, e rằng đương buổi luân thường đảo ngược, phong hóa trôi nghiêng, lòng người đương khi mê hoặc, nếu có kẻ vì nhời nói của ông mà lạc lối nhầm đường, vin nhời nói của ông mà cậy mình lên mặt với cha mẹ, thì cái lỗi đó biết về ai? Ngày xưa, ông Khuông-Chương chỉ vì can cha, thành ra cha con xa nhau, mà người trong nước đều cho là bất-hiếu; ông Mạnh-tử vì bênh ông Khuông-Chương, xướng ra câu nói: «Cha con không nên ép nhau lấy điều phải, nếu ép nhau lấy điều phải thì lìa nhau». Thế mà tiên-nho cũng có người bẻ rằng: « Nhời nói quá-đáng, có thể bảo được người cha, mà không bảo được người con». Huống chi nhời ông Tạ so với nhời nói của ông Mạnh thì quá-đáng gấp mấy nghìn lần!

Tuy vậy, ta cứ bình-tĩnh mà xét, thì ý ông Tạ tuy không nên theo, mà tình ông Tạ thực cũng nên lượng. Luận-giả đã nói rằng ông vì nóng-nẩy về sự hối quá, bồn-chồn vì sự thương con, đau sót về cảnh gia-đình mà viết bài ấy, thì đủ biết những câu quá-khích đó cũng không phải là bản-tâm của ông. Độc-giả chúng ta cũng không nên nệ nhời văn đó mà trách-bị ông vậy.

NGÔ-TẤT-TỐ

常識之部

THƯỜNG-THỨC

Việc Pháp-luật

Cách-thức tố-tụng thuộc về dân-sự, thương-sự, theo luật mới đương thi-hành tại xứ Bắc-kỳ

Cách đòi gọi người đương-sự và thể-lệ giải-hòa ở trước nha-môn — Khi quan Thẩm-phán tiếp được đơn khởi-kiện thời lập-tức xem đơn, nếu đơn không đủ cách-thức thì cho đòi người đương-sự ra hiểu-thị phải làm lại cho đúng, nếu đơn mà đủ cách-thức thời phê-duyệt và đăng ký vào sổ, rồi định ngày cho đòi cả lưỡng-ban (bên nguyên và bên bị) lên, rồi được tự-tiện đem việc ấy ra thử tiên-tương hòa-giải. Trát đòi của các quan Thẩm-phán sẽ giao cho Thừa-phát-lại hoặc Tổng-lý Chức-dịch các làng annam kiêm chức Thừa-phát-lại để chuyển-đạt cho người đương-sự; người đương-sự tiếp được trát quan Thẩm-phán đòi thì phải tuân theo lời trát, đúng ngày giờ đến hầu trước mặt quan Thẩm-phán đã có phát trát đòi mình. Tòa án đã có trát đòi mà không đến hầu thì người nguyên-cáo và các người làm chứng phải bị phạt bạc, mà người bị-cáo thì phải bị xử khuyết-tịch (vắng mặt). Vì lẽ ấy, trong trát đòi về phần người nguyên-cáo và các người làm chứng, phải biên rằng «không có cớ gì hợp lẽ mà không đến hầu, thì sẽ bị nghĩ-xử phạt bạc»; về phần người bị-cáo thì biên rằng «nếu không có cớ gì hợp lẽ mà không đến hầu thì có thể bị xử khuyết-tịch». Biên như thế là cốt để cho các người đương-sự được hiểu biết rằng: sự không đến hầu làm cho phiền sự xét-hỏi và lại có phương-ngại đến sự thỉnh-cầu của mình nữa.

Cứ lệ ra thì từ ngày phát trát đòi cho đến ngày phiên tòa, phải cách nhau ít nhất là tám ngày; song quan Thẩm-phán được tùy-tiện chiếu theo đường đất đi xa hay gần, đường giao-thông thuận-tiện hay cách-trở thế nào mà ra thêm một kỳ-hạn dài hơn, nhưng không khi nào được quá 15 ngày. Những người bị đòi thẳng, hoặc đi đâu xa ở ngoài địa hạt bản-tỉnh thì, sự chuyển-đạt còn nhiều nỗi khó-khăn, nhiều nỗi ngăn trở, không thể hạn-chế được; gặp trường-hợp như thế thì quan Thẩm-phán được tùy ý mà định-liệu. Nếu gặp lúc cần kíp thì quan Thẩm-phán lại có thể lấy đặc-lệnh mà đòi gọi trong hạn rất ngắn, chứ không phải câu-nệ như trên. Phàm những trát đòi, bên nguyên bên bị phải mỗi bên một bản sao. Nếu một người thì một bản chính, một bản sao; nếu hai ba người, hoặc mươi mười lăm người, mà cùng ở trong một hạt thì cũng chỉ phải có một bản chính, nhưng phải mỗi người một bản sao; nếu ở rải-rác riêng từng hạt một, thì phải làm riêng mỗi hạt một bản chính, còn bản sao thì cứ tính đầu người, bao nhiêu người thì bấy nhiêu bản sao. Các bản sao thì giao cho các người đương-sự mỗi người một bản, còn những bản chính thì lấy chữ ký-nhận của các người đương-sự, rồi chuyển-đệ về trả lại chỗ nha-môn nào đã khởi trát đòi, để đính vào hồ-sơ việc kiện ấy. Người nguyên cáo đã đầu đơn khởi-kiện mà khi quan Thẩm-phán có trát đòi làm hòa-giải, hoặc xét-xử mà không tuân lệ đến hầu thì sẽ do quan Thẩm-phán làm biên-bản nghĩ-xử, phạt 3 đồng bạc sung công. Sự nghĩ-xử ấy không được kháng-cáo, như là các việc nghĩ-xử khác. Gặp khi nào như thế mà nếu người bị-cáo có đến hầu thì được tha không phải bị xét hỏi những can-khoản nói ở trong đơn khởi-kiện của

người nguyên-cáo. Khi nào có người nguyên-cáo bị phạt bạc như thế thì quan Thẩm-phán sẽ ban trích-lục án-văn, rồi chiếu theo cách trát sức mà truyền tống-đạt cho người đương-sự vắng mặt biết. Lại gửi riêng một bản trích-lục nữa cho sở trước-bạ để chấp-hành. Sở trước-bạ nhận được trích-lục, sẽ sức bắt người can-phạt, phải nộp số bạc phạt, rồi phát giấy biên-nhận để làm chứng. Người nguyên-đơn can-phạt phải có cái giấy biên nhận ấy, mới được phép xin tòa lại làm hòa-giải hoặc xét-xử. Nếu không có giấy trình ra thì tòa không cho vào hầu kiện về khoản đã nói ở trong nguyên-đơn. Nếu có cái giấy ấy trình ra, tòa lại cho đòi cả lưỡng ban đến, tiên-tương hòa-giải hay xét-xử; mà người bên nguyên-đơn lại không đến hầu lần nữa, thì từ đó mãi mãi về sau, tòa thôi hạn không xét đến việc ấy nữa. Bên bị-cáo được miễn hẳn sự đòi-hỏi, mà bên nguyên-đơn thì lại còn phải chịu các tiền phí-tổn sẩy ra về việc ấy nữa; hoặc khoản bồi-thường về sự thiệt-hại, về đường danh-giá mà bên bị-cáo có khiếu-nại thỉnh-cầu thì bên nguyên-đơn cũng phải chịu cả. Trong khi quan Thẩm-phán làm hòa-giải thì hai bên nguyên bị phải thân-hành đến hầu, hoặc ủy người thân-nhân tộc-thuộc thay mặt cũng được. Bên nguyên được phép bày tỏ những sự thỉnh-cầu của mình, bên bị được phép chống-cãi mọi lẽ. Quan Thẩm-phán lựa ý hai bên, hiểu-thị cho hai bên nghe, rồi giàn-xếp một cách đích-đáng để cho hai bên thuận-tòng. Nếu hai bên nghe theo thì là việc giải-hòa xong, giải-hòa xong thì lập tức làm biên-bản, rồi quan Thẩm-phán, viên Lục-sự cùng cả hai bên đều ký tên làm bằng. Nếu làm giải-hòa không xong, nghĩa là hai bên không chịu nghe lời giàn-xếp của quan Thẩm-phán, thì quan Thẩm-phán phải biên-chú sự ấy vào trong nguyên-đơn, hoặc cũng làm biên-bản riêng, y theo kiểu-mẫu biên-bản giải-hòa, nói rõ sự không thể giải-hòa được. Những biên-bản ấy sẽ đính vào hồ-sơ, việc kiện hòa-giải xong thì sẽ đình-cứu, nếu không xong thì lấy các khẩu cung chứng-tá, rồi tùy theo thẩm-quyền đem ra trước mặt nha-môn để xét-xử.

Làm chứng. — Người làm chứng nào, tòa án đã đòi đến mà không đến hầu, không viện được lẽ gì đích-đáng thì tòa có quyền xử phạt giam từ một ngày đến năm ngày, và phạt bạc từ một đồng đến năm đồng, hoặc hai thứ chỉ phạt một thứ mà thôi. Nhưng mà người làm chứng ấy sau có đến hầu, viện được lẽ gì đích-đáng, và lại sự đến hầu sau ấy có bổ ích cho sự thẩm-cứu thì cũng có thể được khoan-miễn tội phạt. Về khoản phạt giam thì chỉ trừ án-nghĩ ở tòa Thượng-thẩm không được kháng-cáo, còn ở các tòa dưới thì người bị can-phạt đều được phép xin kháng-cáo.

Kháng-án. — Trước khi nói đến thể-lệ việc kháng-án tưởng cũng nên nhắc qua đến những cách dựng án ở các nha-môn.

Kết án có hai thứ: án đương-tịch và án khuyết-tịch. Khi có mặt cả hai bên nguyên bị thì tòa làm án đương-tịch. Nếu trước đã đến hầu một lần mà tòa lại hoãn đến kỳ khác, đến kỳ ấy tòa đem ra xét-xử mà ngẫu-nhiên có người nguyên cáo hoặc người bị-cáo, hay là người thay mặt không đến hầu thì tòa vẫn làm án đương-tịch. Nếu hai người hay là nhiều người bị-cáo đã bị đòi gọi mà chỉ có một người đến hầu mà thôi, còn những người khác không đến hầu, hoặc không ủy người thay mặt thì quan Thẩm-phán chứng nhận rằng những người ấy không đến hầu, rồi lại ra lệnh đòi gọi một lần nữa. Người bị-cáo đến hầu lần trước chỉ nghe lời truyền của quan Thẩm-phán định hoãn đến ngày nào, thì cứ y đúng ngày ấy mà đến hầu, tòa không cần phải có trát đòi nữa. Đến phiên tòa sau, bất cứ là có mấy người không đến hầu mặc lòng, tòa cứ đương-đường kết nghĩ là án đương-tịch. Nếu một người bị-cáo đã bị đòi gọi đúng phép mà không đến hầu, hoặc nhiều người bị-cáo đã bị đòi gọi mà không có một người nào đến hầu, thì tòa cứ chiếu sự thỉnh-cầu ở trong nguyên-đơn mà làm án khuyết-tịch. Người bị-cáo đã bị xử

khuyết-tịch thì từ khi biết có án cho đến ngày thứ hai mươi, sau ngày tống-đạt án-văn, có thể xin kháng-án về án khuyết-tịch.

Kháng-án thì do người bị-cáo khai trình, hoặc khai miệng, hoặc khai giấy với quan Thẩm-phán ở tòa Nguyên-thẩm. Khai trình phải kể rõ họ tên, chức-nghiệp, sinh-quán, chú-quán của người bị-cáo, kể rõ ngày kết án, án kết-nghĩ thế nào và chủ-ý kháng-án của người bị-cáo. Khi có người kháng-cáo thì viên Lục-sự phải đăng-ký ngay vào sổ của phòng mình, bất cứ việc thế nào cũng phải đăng vào sổ cho hợp-thức, không được suy-nụy và bẻ-bác điều gì, vì rằng sự thụ-lý hay không, hiệu-lực thế nào, là tùy quyền ở tòa án thẩm-định, chứ không can-thiệp gì đến công việc của phòng lục-sự. Viên Lục-sự đã đăng vào sổ rồi thì phát luôn ngay cho người đương-sự một bản giấy biên-nhận về việc kháng-án. Trong giấy lại biên rằng: phải đem trình ngay cho Thừa-phát-lại biết để tiện đình-hoãn sự thi-hành nguyên-án. Nếu nguyên-án đã sức thi-hành rồi, hay là đã cấp bản trích-lục trong có chữ quan Chánh-án phê chuẩn cho chấp-hành, thì viên Lục-sự phải lập-tức thông-tư ngay việc kháng-cáo cho Thừa-phát-lại biết. Người bị-cáo nào khi trước đã bị đòi gọi mà chính mình đã tiếp nhận được trát-sức, thì khi kháng-án phải ký 3 đồng bạc vào phòng lục-sự để dự làm bạc phạt, và lĩnh biên-lai của Lục-sự đem trình ra, thì sự kháng-cáo mới được thụ-lý. Nếu về sau, người kháng-cáo thua kiện, hoặc có tình-lý gì không hợp, hoặc có khoản gì thuộc về hình-thức không được thụ-lý thì người kháng-cáo sẽ bị mất số tiền dự-ký ấy để sung vào công-khố. Nếu người kháng-cáo được kiện thì lại được xin lấy số tiền dự-ký ấy ra, chứ không mất.

Phàm những án khuyết-tịch kết-xử với người bị-cáo trong khi vắng mặt mà hết hạn 6 tháng, kể bắt đầu từ ngày tuyên-án không chấp-hành theo phép tịch-biên hay là theo phép giam-cầu thân-thể, thì án ấy cho là quá hạn, nghĩa là vô-hiệu, hoặc coi như là không có vậy. Nhưng mà khi nào có người bị-cáo đã theo cách kháng-tố để chống cái án ấy hay là vì cớ gì trở-ngại hợp luật thì không thế. Người nguyên-cáo đã để quá hạn mất quyền chấp-hành rồi, sau lại có đơn khởi kiện về việc ấy, thì tòa kết-nghĩ án mới cùng một kết-quả như án cũ đã xử, mà không y hạn chấp-hành, lại để quá hạn như lần trước, thì người nguyên-cáo ấy đối với người bị-cáo ấy sẽ mất hẳn quyền tố-tụng thuộc về việc ấy mãi mãi về sau, và lại có thể bị xử phải bồi-thường các khoản tiền tổn-hại cho người bị-cáo nữa.

Kháng-cáo về tòa Thượng-thẩm. — Những án mà các tòa Đệ-nhị-cấp xử về Sơ-thẩm thì có thể xin kháng-cáo được. Sự kháng-cáo có nên thụ-lý hay không và hiệu-lực thế nào, thì sẽ do tòa Thượng-thẩm thuộc về phòng thứ nhì có quyền xét-xử. Sự kháng-cáo về tòa Thượng-thẩm cũng lược giống như sự kháng-án thông-thường đã nói ở trên, chỉ khác một điều là phải kháng-cáo trong hạn 15 ngày mà dự-ký số tiền phạt là 5 đồng bạc. Hạn kháng-cáo thì tính theo cách như sau này: 1°—Thuộc về án đương-tịch mà khi kết án có mặt người đương-sự thì kể bắt đầu từ ngày tuyên án. 2°-Thuộc về án đương-tịch mà khi kết án vắng mặt người đương-sự thì kể bắt đầu từ ngày tống-đạt án-văn. 3°—Thuộc về án khuyết-tịch mà có một người hay nhiều người bị-cáo vắng mặt thì kể bắt đầu từ ngày mãn hạn kháng-cáo.

Còn số tiền dự-ký bạc phạt thì phải nộp tại phòng lục-sự tòa Đệ-nhị-cấp hoặc tòa Thượng-thẩm cũng được. Viên Lục-sự nhận số bạc phạt dự-ký rồi phải cấp ngay giấy biên-lai cho người đương-sự nhận giữ làm sự dự-ký; hoặc có hoặc không, viên Lục-sự cũng phải biên-chú vào bản sao tờ khai kháng-cáo đã đính vào hồ-sơ. Hạn nộp dự-ký bạc phạt thì tùy quan Thẩm-phán định liệu. Nếu quan Thẩm-phán đã truyền cho người đương-sự biết kỳ-hạn dự-ký bạc phạt mà người đương-sự đã quá hạn không nộp, thì tòa sẽ truyền không thụ-lý sự kháng-cáo ấy nữa.

Nếu sự kháng-cáo bị tòa Thượng-thẩm bác không thụ-lý thuộc về hình-thức, hay là truyền không hợp tình-ý, thì người kháng-cáo sẽ bị xử-tịch một số bạc dự-ký 5 đồng, sung vào công-khố, và nếu xét ra có cần thì lại phải bồi-thường cho bên đối-thủ nữa. Nếu sự kháng-cáo được thắng, nghĩa là được kiện, thì số bạc dự-ký sẽ trả lại cho người kháng-cáo.

Ở trước tòa Thượng-thẩm, các người đương-sự cũng được phép viện-dẫn chứng tá và trình ra những giấy má sổ sách có can-hệ đến sự thẩm-cứu và bầy tỏ các lời lẽ chống-cãi cùng thỉnh-cầu của mình, các người đương-sự được phép tùy-tiện thuê Biện-hộ Trạng-sư chống cãi cho mình, và thay mặt giãi bầy những điều uẩn-khúc, những sự thiết-thực, những lẽ phải trái mà mình muốn nói.

(Sẽ tiếp theo)

Sơn-Xá LÊ-KHẮC-HOA

Phụ dịch bài " Nên giảng cầu pháp-luật" của Lương-khải-Siêu tiên-sinh

(Trích ở trong bộ Ẩm-băng văn-tập)

Pháp-luật cốt để làm gì ? Cốt để giữ-gìn trong quần-thể cho có khuôn-phép trật-tự vậy. Phàm vật gì sinh ra đã bẩm-thụ có khí-huyết, thì tất phải có quần-thể, trong mỗi một quần-thể tất phải có điều-khoản cách-thức riêng nhau, mà quần-thể nào có tri khôn hơn cả, có sức-lực mạnh-mẽ hơn cả, thì điều khoản cách-thức lại càng nhiều hơn cả.

Bất-nhân đến loài beo loài hùm là cùng, mà chưa hề thấy có con nào đã ăn thịt lẫn nhau, chắc rằng ở trong quần-thể của chúng đã có công-nhiên đặt ra cái hiệu-lịnh ấy, cấm không con nào được xâm-phạm đến ; vì chúng sợ rằng nếu ăn thịt lẫn nhau, thì tội sẽ xảy ra cái bất-lợi to cho quần-thể của chúng vậy. Cái nhẽ ấy rất dễ-dàng nông-nổi, mà rút-cục thì pháp-luật của thiên-hạ từ xưa đến nay, từ nay về sau, chẳng qua cũng ở trong cái nhẽ ấy mà ra cả.

Quần-thể nào mà điều-khoản cách-thức phân-minh hơn, gìn-giữ được một cách chắc-chắn hơn, thì giòng-giống càng mạnh hơn, quyền-thế càng to hơn. Người mà hơn được loài cầm thú, nước văn-minh hơn được nước dã-man, cũng là do ở lẽ ấy.

Ngày xưa những bực có danh-tiếng là thần-thánh giáo-chủ, là vua khôn tướng giỏi, cặm-cụi với dân, lo-toan với nước, sự-nghiệp to-tát nhất, chẳng qua chỉ ở tại một sự đặt ra luật-pháp cho dân mà thôi. Ông Khổng-tử là một bực thánh thiêng-liêng mà đời sau khen công-đức to-tát nhất là việc làm ra bộ Xuân-thu. Bộ Xuân-thu là một bộ pháp-luật, luật-văn kể hàng mấy vạn, luật-ý kể hàng mấy nghìn, nào là pháp-luật để trị đời loạn, nào là pháp luật để trị đời thăng-bình, nào là pháp-luật để trị đời thái-bình ; xem đó thì đủ tỏ ra rằng pháp-luật cần phải thay đổi theo cách tiến-hóa của nhân-loại vậy. Từ đời Tần, Hán về sau, phép học không được như cũ, chủng tộc càng ngày càng nhiều, mà pháp-luật thì càng ngày càng rút bớt đi, không đủ để ước-thúc người ta ; lại còn một nỗi nữa là sự-lý ngày một thay đổi, mà pháp-luật thì cứ một mực y-nguyên ; thành ra không lấy gì làm chốt, nên khinh thường pháp-luật như không, thế thì điều khoản cách-thức còn có ra gì nữa.

Ở bên Thái-tây, việc học pháp-luật bắt đầu từ Hi-Lạp, La-mã, các nhà làm luật thay đổi nhau xuất-hiện rất nhiều ; độ chừng một trăm năm nay, cái phong-trào pháp-luật lại càng thịnh, thành ra mấy mươi bác thư-sinh làm luật giữ mực thị phi cho cả thiên-hạ, khiến cho mấy mươi trăm ông vua bạo-ngược phải khuất mình noi theo ở dưới khuôn-phép, không dám tự ý làm càn ; mà đến suốt cả trong một nước, từ vua chí dân, kẻ trên người dưới, quyền-hạn rất là phân-minh ; nào là việc từng bộ, việc từng nhà, việc hàng-tỉnh, việc dự nghị, việc thi-hành, cái chương-trình càng ngày càng nghiêm-ngặt, làm cho thế-giới càng ngày càng tiến lên cõi văn-minh

đại-đồng. Công-cuộc thật là nhân-đức to lắm thay!

Trong bộ Xuân-thu chép những tiếng sung-bô rất có ý-tứ: nước nào có lễ nghĩa thì gọi là trung-quốc, nước nào không có lễ nghĩa thì gọi là rợ mọi. Lễ tức là công-lý mà nghĩa tức là quyền-hạn vậy. Nước ta bốn vạn con người toàn là những người không hiểu công-lý, không biết quyền-hạn, thế mà ở lẫn với người bên Thái-tây, thì dẫu mình có thành vững hào sâu, quân đội mạnh, lương-thực nhiều đến đâu, cũng là tất nguy. Quốc-thế của mình như thế, nhân-tâm phong-tục của mình như thế, mà còn dám nghênh-ngang lên mặt, tự đặt mình vào cái địa-vị Trung-quốc, coi ai cũng là mọi-rợ, chẳng trách mà người Tây cười được mình là nước dã-man, họ cho là ở trong khoảng trời đất, không-khí nào lại có dung những hạng người như thế; cho nên ở vào đời này mà không hiểu biết pháp-luật thì không tài nào mà sinh-tồn được.

Xem ra sự tiến-hóa ở trên thế-giới không có cùng-cực bao giờ. Đem Trung-quốc ngày nay so với Thái-tây thì Trung-quốc có điều dã-man thực; nhưng nếu đem Trung-quốc ngày nay so với giống hắc-nô ở bên Phi-châu thì Trung-quốc lại là văn-minh. Nếu lại đem tụi hắc-nô so với loài cầm thú thì tụi ấy cũng lại là văn-minh. Thế thời ta gọi là văn-minh hay dã-man, chẳng qua chỉ suy bì so sánh lẫn nhau mà gọi, chứ kỳ-thực không có nhất-định bao giờ.

Bây giờ những sự mà các nước bên Thái-tây tự-mệnh là văn-minh, biết đâu vài trăm năm nữa lại chẳng hóa ra dã-man lắm ru?

Xét kỹ thì văn-minh dã-man tuy không nhất-định, nhưng cái căn-nguyên tại đâu mà được văn-minh thì có nhất-định. Nhất-định rằng pháp-luật càng đủ, càng công-bằng bao nhiêu thì càng văn-minh bấy nhiêu; càng thiếu, càng thiên-tư bao nhiêu thì càng dã-man bấy nhiêu. Các nước bên Thái-tây không phải là không thích sự công-bằng, những bực nhân-nhân quân-tử không phải là không hết lòng hết sức để dùng pháp-luật cho được thành công, song từng nước một, từng nhà một, từng người một, thường hay có lòng thiên-tư, cái căn-nguyên ấy chưa bỏ đi hết được, nếu đem so với đời đại-đồng của thánh-nhân ta khi xưa thì pháp-luật không khi nào đủ và công-chính bằng được.

Ta mong rằng hiểu biết pháp-luật Thái-tây để làm văn-minh cho nước ta; ta lại mong rằng hiểu biết pháp-luật của thánh-nhân ta để làm văn-minh cho cả địa-cầu của ta; văn-minh không bao giờ cùng, thời sự mong-mỏi của ta cũng không bao giờ hết vậy.

Sơn-Nam

PHÁP-LUẬT VẤN ĐÁP

Bài hỏi thứ nhất

Nguyên năm xưa, trong khi tôi làm lý-trưởng, có tên H người làng tôi viết văn-tự cầm năm sào ruộng cho tên Z, khi H đến tôi xin cho chữ áp-chiện thị-thực, tôi có cho chữ và áp-chiện. Được năm sáu tháng nữa, tên H ấy lại đến nói với tôi rằng: tên ấy muốn đem bán đứt cái thửa ruộng năm sào ấy cho tên Đ để lấy tiền chi-dùng các việc cần, và giả nợ cho tên Z để đòi lấy cái văn-tự cầm khi trước. Tôi thấy tên H nói có ý thực và tôi cũng thương tình nhà hắn nghèo, nhân hắn cứ cày-nhày nói mãi, tôi cầm lòng không đậu, phải cho chữ thị-thực và đóng triện cho hắn một lần nữa. Nhưng trước khi thị-thực đóng triện, tôi có sách hắn phải làm cho tôi một cái giấy cam-đoan rằng bán ruộng để lấy tiền giả cho tên Z, nếu nó gian-trá điều gì thì xin chịu tội, vân vân... Kịp sau tên Z cứ giữ ruộng, không chịu dẫn cho tên Đ, tên Đ làm giấy kiện tại tòa án tỉnh, tòa xử phạt Z sáu tháng tù, còn về phần tôi thì xử phạt ba tháng tù về tội đồng-đảng; chúng tôi chống-án về tòa Thượng-thẩm, nhưng cũng bị y-án; hiện nay đã có giấy sức chấp-hành. Vậy xin hỏi: tôi có thể khiếu-nại vào đâu được không? hay là có cách gì làm cho khỏi tội oan-uổng thì xin *Qui-báo* chỉ-bảo cho, tôi rất lấy làm minh-cảm.

D. C. Ch.

Bài trả lời

Tên H làm giấy cam-đoan cho ông như thế, làm sao trong khi các tòa xét-xử, ông không đưa trình ra mà chống-cãi? Vậy thế cái giấy cam-đoan ấy hiện nay để đâu? — Bây giờ việc đã lỡ như thế rồi thì ông nên cố tìm cho ra cái giấy ấy mà xin tái-thẩm. Việc tái-thẩm nói rõ ở tiết thứ 4 trong luật hình-sự tố-tụng, điều thứ 81 rằng :

« Những án trọng-tội khinh-tội, không « cứ là do toà án nào xử và nghĩ về « hình-phạt gì, mà có một trường-hợp « như các trường-hợp sau này, đều có thể « xin tái-thẩm :

« 1°. — Thuộc về án nhân-mạng, sau « khi đã kết rồi, lại có các thứ giấy « má đủ chứng ra rằng cái người cho « là bị giết hãy còn sống.

« 2°. — Thuộc về án trọng-tội khinh-« tội, sau khi đã kết rồi, lại có cái « án khác kết-nghĩ người phạm khác « cũng cùng một việc ấy, vì hai án ấy có « trái nhau mà đủ chứng ra rằng trong « có một bên bị nghĩ chịu oan-uổng.

« 3°. — Sau khi án đã kết rồi, có một « người làm chứng về án ấy bị người « ta chỉ-trích, phải nghĩ là tội-giả chứng « hãm-hại người bị-can (người chứng « bị nghĩ ấy không được lại làm chứng « khi tái-thẩm.)

« 4°. — Sau khi án đã kết rồi, ngẫu-nhiên « phát sinh ra một việc tìm được giấy « má gì mà khi trước chưa biết đến, đủ « minh chứng là người bị-nghĩ chịu « oan-uổng. »

Lại điều thứ 84 nói rằng :

« Hạn xin tái-thẩm là một năm, kể bắt « đầu từ ngày quan Nam-án Thủ-hiến hoặc « người đương-sự đã biết có trường-hợp « được tái-thẩm ; nếu trong hạn ấy không « xin ở toà Đệ-tam-cấp thì đến khi quá « hạn không thụ-lý nữa. Nếu án chưa chấp-« hành, thì từ khi đơn xin tái-thẩm « đã trình ra trước tòa Đệ-tam-cấp rồi, « tự-nhiên chiếu pháp-luật được đình-« hoãn sự chấp-hành. Nếu vì án đã chấp-« hành mà người bị nghĩ hiện bị giam « thì có thể do mệnh-lệnh quan Nam-án « Thủ-hiến sức đình-hoãn sự câu-giam « cho đến khi tòa Đệ-tam-cấp xử-trí. »

Việc của ông đúng vào khoản thứ 4 ở điều thứ 81, nghĩa là có giấy-má đủ chứng-minh sự oan-uổng của ông.

Bây giờ ông cứ làm đơn kể tình-đầu, theo như cách làm đơn khởi-kiện, rồi đính cả cái giấy cam-đoan mới tìm thấy ấy, theo cách recommandé gửi về quan Chưởng-lý tòa-án Thượng-thẩm Hanoi. Quan Chưởng-lý sẽ bày tỏ sự yêu-thỉnh của mình mà đệ đơn lên quan Tư-pháp Tổng-trưởng để lập một Hội-đồng xét về việc có nên cho tái-thẩm hay không ; khi Hội-đồng xét song, sẽ giao trả lại quan Chưởng-lý chuyển đệ ra trước tòa Đệ-tam-cấp để xét-xử cho ông.

Bài hỏi thứ hai

Thưa ngài, tôi tiếp được quí-chí số ba, tôi xem về mục giải nghĩa pháp luật, thấy ngài cũng sẵn lòng giải-đáp những điều pháp-luật, vậy tôi có mấy lời yêu-cầu cùng ngài, giải-đáp giúp cho mấy điều pháp-luật sau này :

« Nguyên tôi có tậu một cái nhà của bà Mỗ được bốn năm nay ; khi tôi tậu thì chỉ có đủ mặt con bà ta đứng bán mà thôi, vì rằng trong thời-kỳ ấy bà ta đi sang ngoại-quốc vắng. Tôi xét ra các con bà ta vì buôn thua bán lỗ và túng đồng tiền hành-động trong gia-đình mà bán, cho nên tôi không bắt lấy chữ ký của bà ta ; mà tự khi ấy đến nay, thuế thổ-trạch tôi vẫn nộp, biên-lai tôi vẫn giữ, mà văn-tự thì có triện lý-trưởng, và tôi có duyệt ở sở trước-bạ nữa ; bây giờ bà ta làm đơn kiện tôi để lấy lại cái nhà ấy. Vậy xin quí-chí giải-đáp giúp ngay cho tôi mấy điều pháp-luật như sau thì tôi được đội ơn vạn bội.

« 1°. — Tôi mua cái nhà ấy mà không có chữ ký của bà ta đứng bán, thì văn-tự ấy có giá-trị không ?

« 2°. — Có luật bắt tôi phải giả bà ta cái

nhà ấy không ?

«3°. — Nếu có luật ấy thì tôi yêu-cầu với quan tòa bắt các con bà ta hoàn lại cái số tiền mà tôi đã giao ở trước mặt quan tòa, có được không ?

« 4°. — Nếu các con bà ta không có thể giả được thì luật sẽ định ra làm sao ? Bên nguyên bên bị thế nào ?»

Nay kính hỏi.
VINH-THÀNH

Bài trả lời

Nhà ấy là nhà của ai ? Bà Mỗ đứng tậu hay là các con bà Mỗ đứng tậu, hay là của tổ-phụ ông chồng bà Mỗ lưu lại cho đời sau ?

Luật định phàm mua bán nhà đất, trong văn-khế phải có đủ chữ ký của tất cả những người có dự phần hưởng-thụ về nhà đất ấy, nếu thiếu chữ ký của một người thì văn-khế dẫu có lý-trưởng thị-thực, dẫu có trình tòa trước-bạ, dẫu có làm ở trước mặt notaire là người chuyên-biện về văn-thư khế-ước theo luật định của nhà nước mặc dầu, đều coi là không có giá-trị gì cả.

Nếu cái nhà ấy không phải là của mấy người con bà Mỗ tậu riêng với nhau, mà là nhà của chính bà Mỗ tậu, hoặc do chồng bà Mỗ thừa-hưởng của tổ-phụ lưu lại, thì văn-khế bán phải có chữ bà Mỗ ký hoặc điểm-chỉ thỏa-thuận mới có giá-trị.

Nếu không thì sự mua bán của ông với mấy người con bà ấy thành ra vô-hiệu. Bà ấy đòi thì ông phải trả lại.

Khi tòa xử bắt ông phải trả lại nhà cho bà ấy thì ông được phép thỉnh-cầu với quan tòa bắt những con bà ấy phải hoàn lại đủ số nguyên-tiền cho ông.

Khi tòa đã xử bắt chúng phải hoàn lại nguyên tiền cho ông mà chúng không thể trả được, thì ông được phép chiếu theo hộ-luật, xin tịch-biên gia-sản của chúng, hoặc là xin giam-cầu thân-thể. Gặp trường-hợp như thế thì ông phải ứng trước ra các tiền phí-tổn, xin bản trích-lục án-văn giao cho Thừa-phát-lại, hoặc đem trình quan sở-tại sức cho Tổng-lý thi-hành.

Sơn-sá

Hỡi Đồng-bào ! *Hãy mua và cổ động giùm hai tờ báo này :*

La Tribune Indochinoise

CỦA ÔNG BÙI-QUANG-CHIÊU

Hai ngày ra một kỳ :

Giá đồng-niên 12 $ 00 sáu tháng 7 $ 00

(Gửi giấy mua báo và mandats cho ông Nguyễn-Kim-Đính, Administrateur, 186 Rue d'Espagne, Saigon).

L'ANNAM

CỦA ÔNG PHAN-VĂN-TRƯỜNG

119, Rue Mac-Mahon, Saïgon

Mỗi tuần lễ hai kỳ.

Mỗi năm giá 10 $ 00 — Sáu tháng 6 $ 00

文學之部

VĂN-HỌC

Ông Mạc-Đĩnh-Chi ở Cao-Ly.

« Đem chuông đi đấm nước người, chẳng kêu cũng thử một hồi mà nghe, » đó là một câu phương-ngôn của nước ta mà tôi ngâm và dịch ra chữ hán để bút-đàm (1) với một người Cao-ly trong khi nói truyện về ông Mạc-Đĩnh-Chi dữa ngày rằm tháng tám năm ngoái ở trong một cái lều gianh kia vậy.

Ngày hôm ấy, tôi đi ô-tô hàng về tỉnh, thăm song-thân ở Phủ Khoái-châu, sẩy gặp một người Cao-ly ngồi bên cạnh, thuỷnh-thoảng muốn nói truyện bằng bút, song ngặt vì xe ô-tô đi nhanh, lắc-lư và tiếng rầm-rầm, lại thêm nỗi hành-khách ngồi chen nhau chật nich như nêm cối, thành ra ngồi đối diện mà cũng như xa cách sơn khê, có tri-giác trí-tuệ hẳn-hoi mà cũng ngay như đá, chơ như gỗ vậy. Ấy vì sự không am-hiểu âm-thoại của nhau mà sinh ra một thú (2) đến như thế.

Chợt đi đến một chỗ gần ga Đình-Dù thì ô-tô hỏng máy, các hành-khách phải xuống cả, để mấy người tài-xế chữa máy lại. Trong khi xuống đợi đó, tôi và người Cao-ly đều vào nghỉ ở trong một cái lều gianh bên đường ; nhân khi ngồi đợi xe, bèn đem bút chì và giấy ra bút-đàm với nhau chơi. Người Cao ly ấy tự xưng là một ông cử-nhân bên nước Cao-ly, đỗ từ khi mới 16 tuổi, làm quan đến chức Quận trưởng, vì thấy những chính-sách áp chế tàn-nhẫn của người Nhật-Bản, không nỡ ngồi trông cái hoạ duyệt vong của tổ-quốc, bèn từ quan về đi buôn sâm cho qua ngày tháng. Ông trông chừng trạc ngoài bốn mươi, râu ba tròm, chán hói, có vẻ thông-minh xuất chúng. Tôi hâm-mộ ông vì trông thấy cái thái-độ đĩnh đạc ngay từ lúc mới bước chân lên ô-tô, khi ấy được cùng ông đàm-đạo, rất lấy làm sảng-khoái trong lòng. Ông thấy mình là người nước Nam, đồng-văn đồng chủng với ông, ông tiếp đãi có điều thân-mật lắm. Ông là người học rộng, trong khi bút-đàm có một cách tự-nhiên linh-tiệp, chẳng phải tư sách chút nào, và lời-lẽ rất hùng-hồn, văn-chương rất đẹp-đẽ. Ông kể qua một đoạn lịch-sử vong quốc của Triều-Tiên, rồi ông xoay vào đoạn lịch-sử liên-lạc của nước ông với nước mình. Trước khi xoay vào đoạn liên-lạc lịch-sử ấy, thì ông có tiên-dẫn mấy câu có ý-vị rằng: « Tiên-sinh xem tôi kể « đoạn lịch-sử liên lạc của tệ quốc đối với « qui quốc sau đây thì chắc tiên sinh sẽ coi « tôi như anh em trong một nhà, sẽ không « lấy người nước Hàn coi tôi, mà sẽ coi « tôi như giống con Hồng cháu Lạc vậy. »

Rồi ông kể : « Tôi đây là người Cao-Ly, nhưng vốn là giòng dõi cụ Mạc-Đĩnh-Chi người bên qui quốc. Ngày xưa, khi cụ trạng Mạc sang sứ Tàu, đồng thời với trạng Cao-Ly, nhân có một nước đến tiến-cống mấy cái quạt, vua Tàu ra bài Phiến-minh cho hai trạng làm. Vì bài phiến-minh, vua Tàu cho cả hai trạng là lưỡng quốc trạng-nguyên. Hai trạng được phong rồi cùng ở làm quan bên Tàu ít lâu. Khi trạng Cao Ly về nước, có mời cụ trạng Mạc theo về chơi nl à. Theo dã sử và gia-phả nhà chúng tôi thì cụ trạng Mạc sang ở chơi bên Cao-Ly lần trước tiên bốn tháng. Lần

(1) Bút-đàm. — Lấy bút mực viết, nói truyện bằng chữ.

(2) Một thú. — Không có thú-vị gì.

ấy, trạng Cao-Ly có làm mối cho cụ trạng Mạc một người cháu gái trong họ để làm thiếp. Cụ trạng Mạc đem người thiếp ấy cùng về Tàu; được năm năm giời thì bà thiếp trở về nước, có giắt về theo hai đứa con bé, một đứa trai, một đứa gái. Bà thiếp về, có nói với cha mẹ anh em rằng: Khi ông trạng tôi lâm-biệt để về nước An-Nam, có viết mấy chữ để lại cho tôi rằng: « Ngày nay về là theo mệnh quân-vương, ngày sau sang thì không có kỳ-hạn nào cả. Ơn trời, chúng ta sinh-hạ được hai đứa con, nhờ nàng nuôi-nấng dạy-dỗ cho được nên người, về sau nàng sẽ có bề trông cậy, mà ta cũng không dắc tội với chúng nó là chỉ biết sinh con mà không biết nuôi con giậy con. » Cứ như lời ấy thì tôi không còn mong cậy gì ngày trở lại của ông trạng tôi nữa, mà thân tôi nay bỗng nhưng hóa ra người vị-vong rồi vậy. ai nghe thấy cũng phải ái-ngại cho người thiếp, mới ngoài hai mươi tuổi đầu, không hóa mà thành ra hóa, lại thêm bên kẽ nách bận 2 đứa con thơ, biết lấy gì mà nuôi nhau cho được nên người, giữ-gìn làm sao cho được toàn danh-tiết; xử cái địa-vị bà thiếp ấy, thực cũng khó lắm thay!

Thấm-thoắt mười năm giời, một hôm bà thiếp đương ngồi khâu, chợt thấy cụ trạng Mạc đến, giật mình ngã lăn dùng ra, cụ trạng chạy lại ôm lấy, gọi mãi mới tỉnh; khi tỉnh giậy thì vẫn còn bâng-khuâng như giấc chiêm bao, lại thuỳnh-thoảng nói một vài câu như mơ như mẩn. Cho hay cái tình của con người ta sâu thực, khi đương vướng về tình, lăn lóc về tình, mà bỗng-nhiên tình đoạn thì cũng có điều chua xót; nhưng bỗng nhiên mà tình lại hợp thì cái sự bất-kỳ ấy dễ làm cho si-ngốc, dễ làm cho lạc phách con người ta.

Cụ trạng yên-ủi một hồi lâu thì người thiếp tỉnh, trước còn sượng-sùng, sau ra êm-đềm sảng-khoái. Lần này cụ trạng lưu lại ở tại nước Cao-Ly sáu tháng giời, trong khoảng sáu tháng giời ấy, cụ đi du lịch gần khắp nước Cao-Ly, cụ đi đến đâu ai cũng hoan-nghênh, vì ai cũng biết cụ là bực thông-minh xuất chúng, lại là một người rể trong nước. Cụ có làm một tập thơ truyền thế, hiện nay vẫn còn nhiều người truyền tụng. Hết sáu tháng thì cụ trở về Tầu, khi ấy bà thiếp vừa có mang ba tháng. Lần này bà thiếp nhớ cụ quá, nên lập bàn thờ sống ở trong nhà, để sớm tối hương-hoa cho thỏa lòng hoài-vọng. Cái bàn thờ sống đó, chẳng qua bà thiếp đặt ra để kỷ niệm sự thương nhớ chồng thôi, chứ sơ dầu cũng không có cầu-nguyện khấn-bái gì cho lắm, như các bàn thờ thần-thánh khác. Kịp đến tháng sinh người con trai út thì bà thiếp có biện sôi gà làm lễ ở trong bàn thờ, ấy là một lần đầu tiên. Khi người con trai út ấy đầy tuổi tôi, nghĩa là được một năm; bỗ một cơn sốt rét mê-man bất-tỉnh nhân-sự, hai ba hôm không ăn uống gì được; các thầy thuốc đến xem bệnh, ai cũng chịu cho là tất nguy không thể chữa được nữa. Bà thiếp lại sửa lễ sôi gà đến cầu nguyện ở trước bàn thờ chồng. Cầu-nguyện lúc chập tối, đến nửa đêm thì người con trai út ngớt cơn sốt, đến sáng hôm sau thì lại tỉnh-táo như không. Cả nhà ai cũng lấy làm kỳ-dị.

Từ đấy trở đi, tiếng linh-ứng huyên-truyền đi khắp cả mọi nơi, trước còn một vài nhà trong hàng xóm xin duệ-hiệu về thờ, sau dần-dà miên-man ra khắp cả châu huyện, suốt cả trong nước không mấy nhà là không lập ban thờ phụng. Cái sự thờ-phụng cụ Trạng ở bên nước Cao-Ly cũng như bên nước An-Nam thờ phụng đức thánh Quan, mà sự linh-ứng hách-trạc của cụ Trạng bên nước Cao-Ly cũng chẳng kém gì sự hiển-thánh của đức thánh Quan ở bên nước An-Nam vậy.

Cái thần-khí thiêng-liêng của cụ như thế mà về đường nòi-giống thì phồn-thịnh tấn-tới một cách lạ thường. Khi cụ trạng sang Tầu để trở về nước An Nam, bà thiếp đứng lại chịu thương chịu khó, nuôi-nấng giậy bảo các con. Kịp khi các con đã khôn lớn, dựng vợ gả chồng cả rồi thì bà thường ở với người con trai út, ở được hai ba năm thì bà từ-biệt đi ở chùa. Bà hưởng thọ 93 tuổi. Trong cửa Thiền, bà ăn ở rất đỗi từ-bi và lại có độ-lượng, tăng-chúng phần nhiều

người lấy làm cảm phục. Khi bà tịch (1), ở chốn Thiền-môn có lập đàn làm chay để cầu-nguyện cho bà rất là linh-đình tráng lệ, xưa nay ở chốn Thiền-môn chưa hề thấy có đám tang chay nào rực-rỡ vẻ-vang như thế bao giờ.

Ông con trai cả sau xuất thân ra làm quan võ, sinh được 12 con, 8 trai và 4 gái. Sau có hai ba đời đỗ đạt làm quan, nhưng đều tầm-thường cả, không được hiển-hách cho lắm. Ngành này phần nhiều người giầu có. Ông con trai út khi 19 tuổi đỗ cử-nhân, không chịu ra làm quan, chỉ ở nhà làm thuốc và giạy học. Ông này sinh được bốn con giai, đều học-hành và làm ăn khá-giả; người con thứ ba sinh được một người con văn-võ toàn-tài, đã từng phen chống đuổi quân Tầu tàn-bạo áp-chế, đánh đông giẹp bắc, công nghiệp hiển-hách một đời. Ngành thứ này ngày sau nảy ra lắm nhân tài, mà phần nhiều là người trung-nghĩa liêm-khiết. Cháu đời thứ tám có nảy ra một ông thi-sĩ, văn thơ hay nhất trong đời, chẳng kém gì Lý Đỗ bên Tàu. Ông có làm một bài phú *con rùa*, đại-khái ngụ ý nói nước Cao-Ly tuy tiến hóa chậm như rùa, bị các lân-quốc khinh bỉ, song tiến-hóa một cách thong-thả vững-vàng như con rùa, bò không vấp-váp; sau này các lân-quốc tự phụ là linh-tiệp như hùng như hổ, sẽ bị non yếu tiêu-diệt dần đi, chỉ còn có một giống rùa Cao-Ly trường thọ hơn cả, đứng lại với non sông hoàng-hạc trong khoảng trời đất ngàn thu. Lời văn rất thanh-thoát và rất ly-kỳ, quan Đô-hộ Tàu xem thấy, phải tấm-tắc khen ngợi, rồi đem bài phú về đọc cho vua Tàu nghe. Vua Tàu nghe lấy làm cảm-phục cái tài thí-dụ, cái khéo văn-chương của ông, cho là ở nước Tàu từ xưa đến nay chưa có bài phú nào khoái-chá đến như thế. Vua Tàu sai sứ sang hậu thưởng cho ông một trăm tấm lụa và mời ông sang làm quan bên Tàu. Ông có làm một bài biểu trần tạ và thoái thác không chịu sang làm quan bên Tàu, trong có câu « Tôi chỉ thích yên phận làm con rùa bèn, mà không thích nghênh-ngang làm con sư-tử dữ; tôi thích làm anh đồ mặc áo vải ở nước Triều-Tiên hơn là làm một người có thiên-tư văn-chương ở bên Trung-quốc»

(1) Tịch-Chết, bên nhà chùa khi chết gọi là tịch.

Đem ngành cả và ngành thứ mà so-sánh thì ngành cả đa đinh mà giầu hơn ngành thứ ngành thứ thì nhiều người hiển-đạt hơn, nhiều bực anh-hùng hơn ngành cả. Mới ngày nào ở bên nước Cao-Ly chỉ có một vết chân cụ Trạng bước tới mà dầu-dà sinh-sôi nảy-nở, nay hóa ra hàng trăm hàng nghìn con cháu làm quan-hệ đến cả vận-mệnh nước Cao-Ly. Thế thời lòng tín-ngưỡng phụng-thờ Cụ ở nước Cao-Ly lại không phải là một sự ngẫu-nhiên, mà theo lệ sống khôn chết thiêng thì sự linh-ứng của Cụ không phải là hoang-đường vậy.

Tôi đây (*người bán sâm tự xưng*) chính là một người cháu xa đời thuộc về ngành con cả cụ. Thân cháu ở Cao-Ly, nhưng hồn cụ ở An-Nam; Cao-Ly là nơi chôn rau cắt rốn, nhưng chính An-Nam mới thực là quê cha đất tổ. Người thì là người Cao-Ly, nhưng giống thì lại giống An-Nam: ngôn-ngữ phục-dụng toàn là Cao-Ly, nhưng cái óc cái tim thì lại toàn là An-Nam. Bang-khuàng Giao-Chỉ, Triều-Tiên, cáo chạy bơ-vơ, biết lấy đâu làm cố-quốc! »

Nghe đoạn lịch-sử của người Cao-Ly thuật đó thì biết rằng An-Nam ta đối với Cao-Ly có cái tình huynh-đệ, cái mối nên thân-yêu, nên khăng-khít với nhau lắm lắm. Lời nói của người Cao-Ly có vô-hạn cảm-tình: vì nhời nói ấy ta mới hiểu rằng ta đối với Cao-Ly có cái địa-vị rất vẻ-vang. Cụ trạng Mạc sang sứ Tàu, làm cho cả vua quan phải cảm-phục; sang chơi Cao-Ly, gây được một chủng-tộc rất phồn-thịnh, lưu-lại được một cái khí-phách rất thiêng-liêng, làm cho cả nước Cao-Ly sùng-bái. Đem chuông đi đấm nước người, tuy nói rằng chẳng kêu cũng thử một hồi mà nghe; nhưng khi thử thì lại hóa ra kêu, cái tiếng kêu kia vang lừng một hồi ở bên nước Tàu, lại vang lừng một hồi nữa ở bên Cao-Ly, cái tiếng kêu kia đã chấn động cả nước người, mà cái dư-thanh vẫn văng-vẳng ở tai người đến ngàn thu không bao giờ rứt, mà cái dư-hưởng nay lại vẫn còn phản-dãng vào tai người cố-quốc là nước An-Nam ta. Chuông của ta đi đấm nước người, cũng kêu lắm nhỉ?

Sơn-xá Lê-Khắc-Hoa

THẾ-GIỚI VĨ-NHÂN LIỆT-TRUYỆN

HOÀNG-HƯNG 黃興

1 — Từ khi đầy tuổi tôi, đến khi vào học ở Lưỡng-Hồ thư-viện.

Tiên-sinh họ *Hoàng*, nguyên trước tên là *Chẩn*, tự là *Lệ-ngọ*, về sau đổi là *Hưng*, hiệu là *Khắc-Cường*; quê ở làng Đông-hương, huyện Thiện-hóa, tỉnh Hồ-nam. Tiên-sinh sinh được vài năm thì bỏ côi cha. Đồn rằng khi đầy tuổi tôi, cha mẹ đem những khí-vật của nhân-gian thường dùng, bầy cả lên một cái bàn, rồi bồng con đến cho xem và cho tùy ý mà cầm lấy một vài thứ ở trong bàn, để nghiệm xét cái hậu-vận của con xung-xướng hay khổ-sở, làm nên hay hèn-hạ, đó là theo tục tỉnh Hồ-Nam vậy. Khi đó người vú bồng đến, Tiên-sinh choàng tay cầm lấy một thanh kiếm, một cái bút và một thoi mực, rồi hớn-hở tươi cười. Cha mẹ thấy vậy, đều lấy làm mừng. Các người họ-hàng bè-bạn cùng tấm-tắc khen rằng: « Cậu này ngày sau có thể làm đến tể-tướng nguyên-súy. » Có người thử đưa cho một cái mũ lông-công (1), Tiên-sinh rụt tay không cầm. Người ấy cố ấn vào tay, Tiên-sinh quăng tót xuống đất, rồi lại nhăn-nhó mếu khóc, ra ý tức giận vô-cùng. Ôi! lúc còn ở trong ôm-ấp mà đã không ưa cái mồi giả-dối dỗ người của Mãn-Thanh, sự đó tuy huyền-vi mà cũng kỳ-dị lắm vậy. Tục-ngữ có nói « *xem thủa nhỏ, tỏ khi nhớn.* » Câu ấy thực không sai.

Năm lên bẩy tuổi, bà mẹ cho vào học ở trường tư-thục. Tiên-sinh rất thông minh, sách vở qua mắt là nhớ, tính-khí rất êm-đềm cẩn trọng, không hay bộp-chộp nói cười; cùng với anh em đồng-học, cũng ít đi lại. Lúc bấy giờ tuy rằng Tiên-sinh còn phất-phới trái đào, mà đã có những tư-tưởng rất cao-siêu, chẳng khác gì một đấng anh-hùng lão-luyện. Có một hôm, đọc bộ Tứ-thư đến câu « *quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung* » (vua sai bề tôi phải có lễ, bề tôi thờ vua phải trung), Tiên-sinh hỏi thầy rằng: « Chữ "*trung*" cắt nghĩa thế nào? » Ông thầy đáp: « *Trung* là công lưng hết sức, để thờ một người » (1). Tiên-sinh cãi rằng: « Vua là người, bề tôi cũng là người; vua được sai bề tôi, bề tôi phải thờ vua là nghĩa làm sao? » Ông thầy không đáp được. Tiên-sinh lại cắt nghĩa rằng: « Tôi tưởng chữ "*trung*" không phải nghĩa thế; "*trung*" nghĩa là trung với nước, không phải trung với vua. Cổ-thánh nói rằng: "*trung vua*", chữ "*vua*" ấy chính nghĩa là nước, vì vua là trưởng một nước, cho nên dùng chữ "*vua*" mà thay cho chữ "*nước*". Nếu mà trung vua chỉ là trung với vua, ấy là đem cả mọi người trong nước mà luồn cúi một người, nước như thế sao gọi là nước. Thế cho nên ông Thang ông Vũ *đánh vua giết vua*, mà vẫn là *trung*, nghĩa là *trung* với nước vậy. Nếu chữ "*trung*" cắt nghĩa là *trung với vua*, thì ông Thang ông Vũ không *trung* hay sao? » Tiên-sinh biện-bác choang-choang; ông thầy không bẻ sao được, chỉ lắc đầu mà rằng: « Thằng này tuy có thông-minh, nhưng sau này quyết không phải là đứa làm cho tỏ rạng cửa nhà, chỉ là đứa làm cho tan-tành nòi giống vậy ».

Năm lên mười tuổi, bắt đầu học làm văn; nguyên trước Tiên-sinh thấy những lối học nhai-nghiền, cùng những giọng văn tỷ-mỷ, trong bụng vốn là không thích; chỉ vì bà mẹ nặng lòng kỳ-vọng, muốn cho con về sau thi-cử đỗ đạt, làm nên chức nọ quan kia, Tiên-sinh muốn cho mẹ được vui lòng, nên phải theo tập về nghề chương-cú. Từ thủa ấy văn của Tiên-sinh đã có khí-phách lạ. Ông thầy thấy giọng văn của Tiên-sinh như

1 — Mũ đại-trào của các quan Mãn-Thanh.

1 — Một người là chỉ về ông vua.

vậy, một hôm khuyên Tiên-sinh rằng: « Văn-chương của anh tung-hoành sốc-nổi, dùng về thi hội rất hay; nhưng nếu muốn kiếm một xuất học-sinh ở nhà quốc-học, thì giọng văn ấy lại rất không hợp. » Nghe nhời thày dạy, Tiên-sinh bất-đắc-dĩ phải sửa uốn dần-dần, cho được đúng với khuôn-phép. Năm mười chín tuổi, được bổ làm viên bác-sĩ học-sinh. Qua năm sau, thi trúng số ăn tương trong ngạch hương-cống, phải tới tỉnh-lỵ tập học. Tối hôm trước ngày lên đường, họ-mạc bạn bè, ai nấy bầy tiệc tiễn-biệt, và đua nhau lấy câu "*vượt thang mây, qua cung quế*" mà chúc cho Tiên-sinh. Tiên-sinh lấy làm buồn rầu, đáp lại rằng: « Chí tôi không ở cái đó; ngày nay tới tỉnh, là muốn được sẵn dịp mà du-lịch các nơi đó thôi. » Trong lúc từ biệt mẹ già đi ứng-thí, Tiên-sinh có bài cảm-hoài, hai câu thứ năm và thứ sáu rằng:

« *Tưởng nét bảng vàng e nhọ mặt;*
« *Sợ người đầu bạc phải ra tay.* »

Xem câu thơ đó, đủ biết cái hoài-bão của Tiên-sinh vậy.

* * *

Ngoài sự văn-chương, Tiên-sinh thường lưu-tâm về việc võ-bị, những lúc bình-cư vô sự, vẫn hay quần ngựa múa gươm, các người gần đó theo chơi cũng nhiều. Cũng vì một sự thượng-võ của Tiên-sinh mà cuộc trị-an ở hạt Thiện-hoá rất có ảnh-hưởng. Nguyên huyện Thiện-hóa thói tục hung tợn, trộm cướp rất nhiều, thường có những toán cướp rất to, cướp luôn ba bốn nhà một lúc. Các nhà mất cướp đem việc trình quan, nhưng mà mười đám thì chín đám không bắt được. Tiên-sinh thấy vậy lấy làm lo, mới hô xướng các dân thôn quê, tổ-chức một đoàn-thể, ước hẹn trong lúc trộm cướp thì phải ứng-cứu lẫn nhau; địa-phương nhờ đó cũng được yên tĩnh. Sẵy có tên tướng cướp là Đồng-lão-Công vẫn dình-đò một nhà phú-hộ ở làng bên cạnh, một hôm họp-tập đồ-đảng hơn trăm đứa, kéo đến ăn cướp. Các làng lân-cận nghe thấy tiếng động, kẻ gươm người mác, đổ đến ứng cứu; nhưng mà hàng tổng đánh cướp, sự chảng-vảng là thường, lại bên ít bên nhiều, thế không địch nổi. Đương khi đinh-tráng hương-đoàn sắp-sửa thua chạy, thì Tiên-sinh múa gươm tế ngựa xông vào, hò hét quát tháo, chém chết vài người, quân cướp tản-tác chạy chốn. Tiên-sinh phi ngựa đuổi theo, bắt sống được Đồng-lão-Công đem về, họp các hương-đoàn bàn cách xử-trí. Một lát, quan huyện Thiện-hóa đem linh đến, nghe tin Tiên-sinh bắt được tướng cướp, thân vào chơi nhà tán-tụng công-lao, và xin cho giải Lão-công về nha trị tội. Tiên-sinh không bằng lòng, đáp lại rằng: « Nhà nước bổ ông làm quan hạt này, là cốt để giẹp kẻ gian-bạo cho dân được yên nghiệp làm ăn. Thế mà lúc ngày thường, việc tiễu-bộ canh-phòng, ông đã không nhìn đến; nay thấy chúng tôi bắt được tên cướp, lại muốn nhận lấy đem về, ý chừng ông muốn mượn chúng tôi để làm cái mồi thăng quan tiến chức có phải không? Thôi điều đó xin ông miễn cho, chúng tôi đã tự có phép xử-trí. » Nói rất nhời, Tiên-sinh rút gươm chém phắt Đồng-lão-Công, rồi vừa cười vừa bảo quan huyện rằng: « Chúng tôi xử thế này, có nhẽ xướng hơn là để ông đem về làm án ».

Tiên-sinh tính rất hào sảng, dữa đường thấy sự bất-bình, tất phải ra tay đỡm-nhậm. Khi còn ở nhà, phàm trong các làng lân-cận có ai nghèo đói khó khăn, hoặc ai đánh nhau cãi nhau, thường vẫn chu-cấp hoặc hòa-giải cho đôi bên. Vì thế Tiên-sinh đã nổi tiếng nghĩa-hiệp ở trong vùng ấy. Bấy giờ làng Đông-hương có người tên là Tăng-Thân, thấy vợ người láng-giềng nhan sắc sinh đẹp, nấp-nỏm say-mê, lừa mẹo vu thác, bỏ người chồng vào ngục, rồi lấy hiếp người vợ. Tiên-sinh nghe thấy truyện lấy làm tức-giận, muốn tìm cách mà trị Tăng-Thân, nhưng chưa có dịp. Một hôm trong làng có nhà cưới vợ cho con, vì Tiên-sinh với nhà ấy có tình qua-cát, nên phải đến mừng.

Khi vào tới nhà đã thấy Tăng-Thân ngồi tốt ở đó, ngông-nghênh khoe thế khoe tài. Tiên-sinh thấy vậy, lấy làm ngứa mắt; lúc vào tiệc, cố ý hắt chén rượu vào áo Tăng-Thân. Thân tức lắm, quát rằng: « Thằng này con nhà nào mà vô lễ như vậy?» Tiên-sinh cũng dương mắt quát lại rằng: « Tao đánh bẩn áo mày, mày còn tức-tối như vậy; mày làm bẩn vợ người ta, người ta phải nhắm mắt chịu đắng, thì tức đến đâu? » Tăng-Thân nghe câu ấy càng tức, hầm-hầm đứng dậy, giơ tay toan đánh. Tiên-sinh cũng đứng phắt ngay dậy, túm tóc Tăng-Thân điệu ra ngoài chiếu, tay đấm chân đạp, không thương hại chút nào. Người chủ nhà sợ Tiên-sinh quá tay đánh chết hắn thì lôi-thôi đến mình, mới chạy ra hết sức khuyên giải, Tiên-sinh mới buông ra. Bấy giờ Tăng-Thân đã sưng đầu bươu chán, mặt mũi tim bầm, từ đó không dám càn dong như trước.

Ngày lần tháng lữa, quanh-quẩn ở xứ thôn quê, cũng là không lợi cho những tanh-hùng chí-sĩ, Tiên-sinh vẫn lấy sự đó làm lo, nên vẫn có ý muốn đi du-lãm các nơi cho rộng kiến-thức, và cho lịch duyệt việc đời. Gặp khi đó, Tổng-đốc tỉnh Ngạc (1) là Chương-tri-Động mở một thư-viện tại tỉnh-lỵ, gọi là "Lưỡng-Hồ thư-viện", chiêu tập sinh-viên hai tỉnh Tượng, Ngạc, (2) vào viện học tập. Tiên-sinh nghe tin, biết là Tri-Động muốn đem những tư-tưởng mới mà sửa sang nước, mới bẩm với mẹ xin cho sang đó du học. Tới nơi, thì vào viện, đỗ đầu các sinh-viên; Tri-Động rất trọng-đãi. Khi ở trong viện, ngoài những thì giờ học-khóa, Tiên-sinh lại mua những sử cách-mệnh ở Âu-châu, và Dân-ước-luận của Lư-Thoa, đêm ngày xem đọc; từ đó cái *tư-tưởng cách-mệnh* mới đầm-thấm chứa-chan ở trong óc; nhưng vẫn chưa từng đem cái tư-tưởng đó mà phô-lộ với anh em đồng học một câu nào. Ở đó hơn một năm, có Bạch-du-Hoàn là một người học-trò mới đến. Tiên-sinh gặp mặt nói truyện, rất là ý hợp tâm đầu; Du-Hoàn là người kiên-nhẫn cường-nghị, không lắc-cắc như những học-trò khác, cho nên Tiên-sinh mới đem cả tâm-sự kể với Du-Hoàn. Du-Hoàn rất hoan nghênh, và lại tỏ rằng mình cũng đồng-ý. Thấm-thoắt đến kỳ thi nghỉ hè, Tri-Động thấy Tiên-sinh dỗ cao, mời vào nhà lấy nhời êm-ái khuyên dụ Tiên-sinh, và lại hứa rằng sau này sẽ cất-nhắc chỗ cho. Tiên-sinh nghe nói, cũng miễn-cưỡng ứng đáp xong lần. Khi về viện, bảo riêng với Du-Hoàn rằng: « Chúng ta đi học, là học để sau này tìm cách mà hà hơi mở mặt cho giống người Hán, có phải học để làm giống chó săn chim mồi cho người Mãn đâu? nhan-nhản những ông cao mũ giải áo kia, có biết đâu cái khổ-tâm của chúng ta. » Du-Hoàn nghe nói, vội gạt đi và cản rằng: «Những câu đó không nên tiết-lộ với ai. » Tiên-sinh cũng lấy làm phải, từ đó lại càng cẩn-thận giữ-gìn; bởi thế, ở Lưỡng-Hồ thư-viện hai năm giời, mà những viên trưởng-giáo, giáo-viên, cho đến các hạng học-sinh, không ai dò biết cái đề-mẫu của Tiên-sinh.

Mỗi kỳ nghỉ hè viên giám-học ở Lưỡng-Hồ thư-viện là Lương-đỉnh-Phân, thường hay vào viện diễn-thuyết, lấy bốn chữ "*trung vua yêu nước*" mà khuyến-dụ các sinh-viên. Tiên-sinh nghe nói ngứa tai, mới bẻ lại rằng: « *Trung vua yêu nước* là hai việc, không phải là một. » Đỉnh-Phân hỏi lại làm sao? Tiên-sinh đáp: « *Vua* chỉ là một người trị-vì, *trung vua* nghĩa rất hẹp; *nước* là của chung của ức triệu con người, *yêu nước* nghĩa rất rộng. Nếu bốn chữ "*trung vua yêu nước*" mà nói gộp làm một thì không phải nghĩa. Ví như trong nước có một ông vua tàn-bạo, xuất lệnh hành chính đều không lợi cho nước, nếu người *yêu nước* mà không muốn cho nước thiệt hại, tất không thể nhắm mắt mà theo cái chính-lệnh đố-quốc, thế là không trung với vua; nếu kẻ *trung vua*, nghe thấy chỉ-ý của vua, tất phải cắm cổ mà theo, còn sự lợi hại của nước thì không tính đến, thế là không yêu nước. Như thế có phải *trung vua yêu nước*, rõ ra hai việc khác nhau hay

1 — Tương là tỉnh Hồ-nam
2 — Ngạc là tỉnh Hồ-bắc

không? Vậy thì tướng-công muốn trung thì cứ nói hai chữ "*trung vua*" cũng đủ, cần chi phải đeo thêm hai chữ "*yêu nước*" làm gì». Đỉnh-Phân nghe nói, hằm-hằm giận ra mặt; Tiên-sinh không thèm nhìn đến, vẫn cứ cười nói như không. Vì thế Đỉnh-Phân sinh ghét Tiên-sinh, thường thường gièm với Tri-Động, xin xóa tên ở trong thư-viện, và đuổi đi không cho học nữa; nhưng Tri-Động vốn trọng Tiên-sinh là bực thanh-niên anh-kiệt, nên không nghe nhời Đỉnh-Phân.

Tỉnh Tương có Đường-tài-Thường cũng là lĩnh-tụ một đảng cách-mệnh, đã dụng công chiêu tập những bạn đồng-chí lục-tục kéo đến tỉnh Ngạc, chờ dịp khởi-sự. Tiên-sinh với Tài-Thường là người cùng làng, chỉ vì một gánh non sông cho nên mỗi người đi mỗi xứ! Một hôm, gặp nhau ở lầu Hoàng-hạc, cầm tay nói truyện hồi lâu, rồi Tiên-sinh hỏi Tài-Thường đến đó làm gì, Tài-Thường liền đem công việc của mình kể hết với Tiên-sinh và xin giúp đỡ một tay. Tiên-sinh nghe nói vui lòng nhận nhời ngay, lại bảo Tài-Thường rằng: «Cái thư-viện Lưỡng-Hồ này mở ra, là riêng vị những con em bọn quan-trường, tôi ở đây bị họ áp-chế đến ngàn từng muôn lớp, thật là một cảnh khổ-sở; tôi vẫn muốn bỏ đi đã lâu. nay được gặp anh thật là một dịp may cho tôi lắm. Tôi xin vì anh mà đảm-nhận cái việc cổ-động; nếu anh chậm lại ít lâu rồi sẽ khởi-sự, chắc có nhiều người đồng-chí vui lòng mà theo anh». Tài-Thường mừng lắm, hứa rằng sẽ vì Tiên-sinh mà hoãn kỳ khởi sự. Năm Quang-tự thứ 25, Tài-Thường mưu sự không thành. Các bạn đồng-chí nhiều người bị hại, duy có tiên-sinh không lây vạ; đó cũng nhờ ở cái tính cẩn-trọng, cho nên những kẻ bất-lương không thể bới lông tìm vết mà làm hại được vậy.

Từ khi du-học ở Nhật-Bản đến lúc quay về ở Thượng-Hải.

Cũng vì cái gương thất-bại của Đường-tài-Thường, mà trí-lự của Tiên-sinh lại tiến thêm lên một bực. Tiên-sinh lo rằng: quanh-quẩn mãi ở tỉnh Ngạc, hết năm nay sang năm khác, chỉ co quắp dưới khửu tay cánh nách các bọn quan-trường thì không khi nào rãi được chí nhớn; vì thế nóng-nẩy muốn đi nơi khác, nhưng mà chưa biết đi đâu, nên còn phân-vân chưa quyết. Cách ít lâu, vua Thanh có chỉ kén các học sinh sang du-học bên Nhật-Bản, bấy giờ trình độ dân còn kém, những hạng mặt lý cồ dắn, chưa rửa hết cái lòng mến cảnh quê hương xa nhà vài dặm, lệ biệt mua tuổi, ở chọ mươi ngày, lòng về lửa chất; thấy nói sự xuất-dương khứ quốc, thì ai nấy co đầu rụt cổ, tưởng như một cảnh đi đầy. Duy có Tiên-sinh kiến-thức hơn người, mới nghe thấy lệnh vua Thanh, tức thì đầu đơn tình-nguyện đi du-học. Quan bản-hạt nhận đơn phê chuẩn, lại trích một khoản tiền công-khố cấp cho tiên-sinh sang học tại trường "Đông-kinh sư-phạm đại học-hiệu." Sau này tiên-sinh sở-dĩ nên được bực anh-hùng lẫm-liệt, đứng đầu bọn cách-mệnh nguyên-huân, chính là nhờ ở cái món tiền học-phí của triều Thanh cấp cho khi ấy. Ôi, gậy người đánh người, mà được thắng trận thành công, coi đó biết con tạo chưa hề phụ những kẻ có chí vậy.

Tại trường Đông-kinh, lại có một đảng cách-mệnh người Hán, là Trương-thái-Viêm, Trần-thiên-Hoa, Lưu-quỹ-Nhất và Tống-giáo-Nhân. Nguyên bọn này cũng vì cay đắng về những biến-pháp hủ-bại của người Mãn, vì muốn thực-hành cái chủ-nghĩa cách-mệnh, nên mới dủ nhau sang Nhật du-học. Một hôm, bốn người gặp Tiên-sinh ở một nhà khách-sạn, sau khi đã rãi bầy trung-khúc, biết là cùng người một hội, cùng chung một tấm can trường, mới cùng đinh ước đồng-tâm, thường thường đi lại bàn-bạc công việc. Mỗi khi buổi học xong, năm người lại chia nhau đi chơi cùng các học-trò Trung-hoa ở Đông-kinh để liên-lạc cảm-tình mà truyền-bá cái chủ-nghĩa cách mệnh; vì đó thế-lực ngày một lan-chàn, một xứ Đông-kinh, bạn đồng-chí có đến trăm người, mỗi ngày chủ-nhật họp lại một chỗ, mở cuộc bí-mật hội-nghị, Tiên-

sinh lên đàn diễn-thuyết, thống-mạ những tội ác và sự tàn-nhẫn của người Mãn-Thanh ; tiếng nói chưa ra, hạt châu đã rỏ, người nghe diễn ai cũng đau đớn buồn rầu. Về sau có viên trụ Nhật công-sứ của triều Thanh là Uông-đại Nhiếp nghe thấy việc đó, tức-thì nhờ sở cảnh-sát Nhật-bản dò-thám tình-hình và những công việc hành động. Từ đó cái cuộc hội-nghị của Tiên-sinh không dám tự-do như trước, nhưng mà cái phương-châm hành-động lại vì đó mà hăng-hái thêm.

Cách ít lâu, ở Âu-châu có nước Nga công-bố vấn-đề lấy Mãn-châu ; nghe thấy tin đó, các học-trò Trung-hoa lưu học ở các nước đông tây, ai có tấm lòng ái-quốc, cũng đều gửi thư đánh điện, nhắn bảo vua quan triều Thanh, kể về cách này, người bầy mưu khác, giấy má tin-tức đi lại rộn-dịp. Tiên-sinh với bọn Thái-Viêm Giáo-Nhân bàn nhau rằng : « Thế nước ngày nay chính là buổi tồn-vong nguy-cấp, không phải cái sức mồm mép có thể lấy lại được, bất-nhược nhân cơ-hội này, ta giả-cách tổ-chức một đoàn-thể, nói phao là mục-đích để cự lại nước Nga, rồi nhân đó mà tiến-hành công việc cách-mệnh, như thế may có thể che mắt được thằng giặc Uông. » Bọn Trương, Tống nghe nói cũng đều khen phải. Cách ít lâu, Thanh với Nga giao-chiến, quân Thanh bị thua, Tiên-sinh nghe tin ruột gan sôi sủi, thổ ra mấy bát máu tươi. bọn Thái-Viêm, Giáo-Nhân đón thầy thuốc điều-trị mười ngày mới khỏi. Tiên-sinh thường ngậm-ngùi than-thở một mình rằng: « Đại-cục của Trung-hoa phá-hoại đến thế này là cực-điểm. Chỉ còn một cách thực-hành cái chủ-nghĩa cách-mệnh, may ra muôn phần mới cứu vớt được một »

* * *

Năm Quang-tự thứ 29, Tiên-sinh tốt-nghiệp ở trường Đông-kinh, cùng bọn Giáo-Nhân giở về Trung-hoa, tới nhà thăm mẹ. Cách vài tháng, Tiên-sinh đứng mở một trường học ở xứ Trường-xa, những hạng thanh-niên trong hạt theo học rất nhiều ; ngoài những thì-giờ giảy học, Tiên-sinh lại dùng cách mà gieo cái hạt giống cách-mệnh vào óc học-sinh ; vì thế số học-trò mỗi ngày một đông. Tiên-sinh và bọn Giáo-Nhân mới tổ-chức một cuộc hội-đảng ở trong trường học, gọi là hội Hưng-Hoa, chủ-đích là để đề-xướng công việc cách-mệnh. Hội-viên công-cử Tiên-sinh làm viên Tổng cán-sự, Thái-Viêm, Giáo-Nhân làm Phó-cán-sự.

Tiên-sinh lại cho rằng: công việc cách-mệnh không phải là chỉ dùng mồm mép mà có thể thành công, mới tìm cách liên-lạc với một hội khác ở gần đấy, để cho thêm thế lực. Các hội-viên ở hội kia ai nấy đều hoan-nghênh, và xin hết sức tán-thành. Gặp khi ấy có người tên là Tăng-quốc-Trương nguyên là lĩnh-tụ trong đảng cách-mệnh Hồ-nam, đồ-đảng có đến vài nghìn người, tản-mác ở khắp các xứ, Tiên-sinh nghe tiếng, thân đến du-thuyết với Quốc-Trương và xin kết làm đảng-viện. Quốc-Trương rất là cảm-động nhận nhời ngay, và tức thì chiêu-tập đồ đảng đến Hồ-nam, hẹn ngày đốt lửa làm hiệu đánh lấy tỉnh-ly làm chỗ căn-bản.

Trong khi chưa đến kỳ hạn khởi sự, sẩy gặp tiết thất-tuần đại-khánh của Thanh-Thái-hậu, quan lại các tỉnh, thi nhau bom-thót, sắm sửa các đồ vàng bạc châu ngọc đem dưng. Mã-phúc-Ích chính là một tay kiện-tướng trong dân-đảng, nhân thấy đồ cống của viên tuần-phủ Hồ-nam cùng sa cực sỉ hơn hết các tỉnh, mới bàn với Tiên-sinh chôn ngầm tạc-đạn phá dinh cướp đồ cống để xung làm quân phí cho dân-đảng. Tiên-sinh khen là mẹo hay, bảo Phúc-Ích phải tức thì trù liệu. Sắp sửa đến kỳ khởi sự, thì việc tiết-lộ, viên tuần-phủ phái quân-đội nã bắt Phúc-Ích đem chém. Tiên-sinh và bọn Giáo-Nhân chốn sang Giang-Tây, nằm ba tuần lễ ở nhà người bạn, rồi sang Thượng-Hải.

Trong mấy tháng ở Thượng-Hải, tiếp được nhiều thư của các bạn đồng-chí ở Hồ-bắc mời về, Tiên-sinh mới đổi cách ăn mặc lên về Hán-Khẩu. Cách ít lâu lại sang Thượng-Hải. Bấy giờ có viên Tuần-Phủ

An-huy là Vương-chi-Xuân đổi sang Quảng-tây, khi qua Thượng-Hải chọ vào một nhà khách-sạn ở tô-giới Ăng-lê, Tiên-sinh biết Chi-Xuân là loài sâu mọt trong dân-đảng, mới sai một người đồng-chí họ Vạn nấp ở một quãng ngã tư, chờ lúc Chi-Xuân đi qua nạp xúng bắn một phát, chẳng may không chúng Chi-Xuân, lại trúng vào đứa đầy tớ. Linh cảnh-sát Ăng-lê nghe thấy súng nổ kéo đến như kiến, người họ Vạn bị bắt, Tiên-sinh thừa cơ chốn thoát, về sau nghe thấy người Mẫn tầm-nã Tiên-sinh rất khẩn-cấp, Tiên-sinh mới xuống tầu sang Nhật-Bản.

(*Còn nữa*)

Ngô-tất-Tố dịch.

Mấy lời nói nhỏ cùng chị em bạn gái :

Thưa các chị, em đội ơn song-đường, đang theo dòi nghề bút nghiên, đọc sách Khổng Mạnh, xem văn Thái tây, nên thần-trí mở-mang ra đôi chút thấy điều phải biết theo mà rõ lẽ trái cũng hiểu cách lánh xa. Em thiết nghĩ sinh vào buổi đời này, được học tập tự-do như bọn tu-mi, thật đường cái thanh-vân rộng thênh-thang, nào có hẹp-hòi gì với ai. Ta gặp thời lại chẳng nên vui lòng mà tỏ tài ư ?

Ở đời phải cần học lắm, vì việc học cũng như cơm gạo. Cơm gạo nuôi cho mình mạnh khỏe, thân-thể nở-nang; còn việc học để bồi-bổ trí não. Đó là hai điều cốt-yếu của người, ai kém chút học-thức thật phải kém người.

Nhưng học để làm gì ? Học để xửa mình, sau hiểu đến lẽ khắt-khe của bầu trời.

Theo như câu " ngọc bất trác, bất thành khí," người mà không học, thành ra ngu-si cục-mịch tựa như hòn ngọc chẳng mài dũa thì sù sì và vô dụng ; người có học mới thành hay, hòn ngọc có xửa-sang mới thiết dụng. " Nhân bất học, bất tri lý, " chẳng phải là một tấm hình ảnh tức-tối cho người vô học ru ! Trong sách Tam-tự-kinh lại có nói : " nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn " (mới sinh ra, lòng người thanh khiết, tính-tình hơi giống nhau, duy chỉ có việc học làm biến cải đi.)

Một nhà triết-học Pháp là ông Ernest Renan nói : « Ở đời chỉ có việc học là không tục hơn cả (Savoir est de tous les actes de la vie le moins profane.)

Vậy chị em ta nên xu-hướng về việc học đừng e-lệ theo thói nhi-nữ thường-tình nước ta mà bảo việc học là về phận-sự đàn ông. Phải biết thời-đại văn-minh đã khởi sướng lên cái chủ-nghĩa nam nữ bình-quyền, thì ta nên ra sức dấn mình vào bể học, cho khỏi mang tiếng cũng là một giống người mà chịu thua sút chi ai ! Nên chăm-chỉ học hành thì sau ta sẽ thành người hoàn-toàn nhân-cách.

Ta là phận gái, nếu biết chữ lại càng hay lắm. Ông Legouvé nói đàn bà nên đọc sách.

Đọc sách rất cần cho đàn ông, nhưng cũng hữu-dụng cho đàn bà. Đàn ông biết đọc sách là có khí-cụ để làm việc, dùng đạt đến mục-đích trong nghề mình. Như ông luật-sư, ông giáo-sư, nhà diễn-thuyết mà đọc sách lắm thì cái nghiệp của các ông lại càng hiển-hách thêm lên. Còn bọn phụ-nữ trong nhà biết đọc sách cũng thú lắm : gặp cha già tàng-tật, hay mẹ có tính buồn, cha không thể đọc được vì mắt kém, mẹ lòng chẳng muốn, đứa em thích nhưng không biết chữ, thế mà người con gái biết đọc lại chẳng tiện lắm rụ ? Đọc vài trang, tiếng

oanh êm-ái làm bớt nỗi sầu-bi của người khóc, khuyên đỡ kẻ đau, pha trò thêm cho trẻ tươi cười. Ông Legouvé nói: cố học để hấp-thụ lấy cái hay mà sau có cơ thành ra một nết tốt (Apprenez à lire et tâchez d'acquérir un talent qui peut devenir une vertu.)

Trên này, em biểu-dương sự ích-lợi của việc học, nhưng cớ sao việc học của con gái đã thịnh-hành mà kết quả chưa được thỏa-mãn, chẳng thêm tốt tươi? Bể học chưa bước chân tới nơi đã mê-mẩn tâm-thần để cho đạo đức suy-đồi, điều đó chị em nên nhiệt-thành giải quyết mà cứu bạn trầm-luân, đến bến cực-lạc, thiết tưởng cũng có nhiều phần bổ ích vậy.

Con gái có nên học nhiều chăng? Như thủa xưa, cho đàn-bà là không đáng học chỉ dạy qua-loa vài lời gia-huấn, mấy thiên nữ-tắc, và biết xem chữ hán hơi thông là đủ. Đó là các cụ hiểu lầm: cái tinh anh của non sông chung-đúc lên, lọ là phân biệt trai gái. Thử xem cô Hồ-xuân-Hương, bà huyện Thanh-quan, tài thơ nôm có kém gì mặt làng nho, rộng ra như nàng Sái-văn-Cơ, nàng Tạ-đạo-Uẩn bên Tàu, người hay thơ, kẻ giỏi phú, ấy cũng là kiếp hồng-quần.

Vậy phải tùy tài, ai có sức thì chèo chót-vót đến ngọn núi mà đứng trông cái phong-quang bao la xung quanh, để *gánh đỡ giang-sơn* cho hàng nam-nhi. Ai không tới nơi, mới chèo một đỗi đường, hái được vài đóa hoa thơm, mấy trái quả ngọt, dù không đến tuyệt-đỉnh bằng chị em, nhưng ta cũng được thưởng trong lúc dăng sơn rồi.

Mới đây, bạn gái ta có mấy người nhiệt tâm đến sự học đã theo đến bực khá cao. Người học tại trường thuốc, người xin vào trường cao-đẳng Sư-phạm. Tuy cái phạm-vi còn hẹp-hòi sao bằng các nước, nhưng dần dần rồi cũng thêm vẻ khả-quan.

Hiện-tại, hạng mới thoát khỏi chân núi thời nhiều, mà cớ sao không khỏi cái tân-học-vấn cảm-dỗ? Là vì học-thuật tây-phương như rừng, bỏ một đời người ra hồ *dễ đã đi cho đến cùng*; càng ra công đi, càng thấy man mác tịt-mù, chẳng biết đâu là bờ. Vì thế các nhà bác-sĩ mà người đời chịu là học rộng thời chính các bậc ấy lại cho mình là kém, chưa khám-phá hết được các lẽ huyền-bí của vũ-trụ thì còn khiêm-nhượng; không bù với người mình mới biết dăm ba câu tiếng tây đã nhí-nhắng cả đường Cái rừng học mông-mênh như thế chị em ta mới bước chân qua khỏi một quãng, biết được cây nọ, ngắm cánh hoa kia, đã thỏa nguyện rồi mà tự tôn tự đại với người ở vòng ngoài có ngờ đâu rằng rừng học bát-ngát còn lắm cảnh thanh-kỳ. Vì cái lẽ không ngờ đó, lại thêm văng-vẳng bên tai, nào bình-đẳng, nào tự-do, mà cái cách hàn-động khả ố của ta chẳng khỏi khiến cho người tri-thức dị-nghị. Ôi bình-đẳng! ôi tự-do! như người ở các nước văn minh thời thực có như ý cao-thượng, rất đáng để người ta sùng-bái; chẳng may ngươi ở tây-thổ cất cánh bay qua đại-dương mà sa vào cõi nam-phương này thì ngươi chẳng khỏi làm mất lòng người thủ-cựu, chẳng khỏi cho bọn tân-học xấc-lấc lạm-dụng nhà ngươi.

Vì lẽ gì học-phong thịnh, mà nền luân-lý lại phải lụn-bại, phong hóa suy đồi, đạo-đức ngửa-nghiêng. Ấy chỉ tại học-phong cũ mới khác nhau nên cái kết-quả cũng thành ra mỗi đàng đi một nẻo.

Thủa xưa, nho học còn thịnh, đạo Khổng; Mạnh lan khắp từ nơi kinh-kỳ cho đến tận làng con xóm lẻ, đâu đâu tự già đến trẻ đều lấy luân-lý làm trọng. Cái nền học êm-đềm ấy cũng có ảnh-hưởng sâu xa đến đàn-bà. Đàn-bà thời cao tường kín cổng, cả ngày *loanh-quanh trong nhà*. Người bần-nữ thì chợ búa, dệt cửi, chăn tằm hái dâu, nuôi chồng trông con, vị tiểu-thư thì phòng xuân khép cánh, ngày làm thơ xem sách, đêm thêu-thùa vá may. Xem đến gia-phong các bậc thượng-lưu lại càng thịnh lắm. Đấy, cái vẻ nên thơ của xã-hội đông-phương này, biết đâu lại chẳng phải là cái kết-quả hay của cựu-học ư?

Như thế, ta đừng vội chê bụt nhà không thiêng mà đi cầu Thích-ca ngoài đường.

Gặp thời-đại tối tân, nhiều sự chịu ảnh hưởng làn sóng tự do mà biến cải cả rồi. Chỉ tại trình-độ dân-trí mình còn thấp hẹp, nên những sự đó nhiều khi thành ra có hại to. Lo lắm thay! lấy phương-kế chi mà bổ cứu cho điều khuyết-điểm ấy?

Chị em ta nhờ ơn cha mẹ cho đi học, mà cách cư-sử của ta sao còn để nhiều người phàn-nàn? Hay là Pháp-học chưa đủ cảm-hóa lòng người chăng? Không, chỉ bởi tại ta học dở-dang, chưa hiểu đến những lẽ siêu-việt, trọn lọc chẳng kỹ những phần tinh-túy, mà vội đem ra thi-hành, nên lắm khi chẳng tránh khỏi sự sai-lầm. Cũng như đạo Lão (le Taoïsme) thật cao-thượng quá, ít người hiểu, khi truyền-bá đi thành ra mục-đích sai lạc, chỉ gây lấy một lũ phù-thủy pháp-môn; huống chi trong bao năm chị em theo đòi về Tây-học, tiếng nhà nhãng bỏ, sinh ra hạng nửa mùa, mà rất ghê thay cho hạng nửa mùa!

Cứ ý ngu em thì ngoài các giờ học về Pháp-văn, ta nên luyện tập đến Quốc-văn, xem sách vở, báo chí, để sửa đổi tính nết dần; chờ xem hiểu các sách Pháp-văn còn lâu lắm. Mới đây, Chính-phủ rộng cho học phổ-thông chữ nước nhà thì cái hi-vọng của chị em một ngày kia cũng có thể đạt được.

Nguyễn-thị Bạch-Tuyết

ÂU-VĂN TẬP-DỊCH

Luận-thuyết về sự đẹp

(văn *Voltaire*)

(Beau, Beauté, -- Dictionnaire philosophique)

Hỏi chàng Cóc thế nào là đẹp, thế nào là hết sức đẹp? Chàng sẽ giả lời rằng: « Đẹp đến như mợ Cóc nhà tôi là cùng: cặp mắt tròn sinh-sinh, lồi tướng trên cái đầu thon-thon nhỏ-nhỏ; cái lưỡi núc-nắc vừa rộng vừa đẹp; cái bụng ỏng-eo vàng xòe, cái lưng xù-xì nâu sẫm ».

Hỏi chú Hắc sứ Guinée thì cái đẹp của chú tất phải là nước da đen như than, nhoáng như mỡ; cạo mắt tinh sâu hoắm, chiếc mũi rộng ngắn chùn.

Hỏi con quỉ thì cứ phải có hai sừng, một đuôi, bốn chân móng nhọn (1) mới là đẹp.

Nay đem thuyết đẹp chất-vấn cùng các nhà triết-học, tất-nhiên họ giở ngay cái giọng đít-cua dại cà sa mà bàn một các kềnh-càng ràng: « Phàm cái đẹp là phải theo đúng kiểu-cách qui-mô của mỹ-thuật..... »

Một hôm tôi đi xem diễn-kịch với một nhà triết học. Tự-nhiên thấy ông ta kêu lên rằng: « Ối chà! đẹp quá! » Tôi hỏi: «Thế nào là đẹp? » Ông già nhởi một cách vu-vơ rằng: Đẹp vì tác-giả khéo đạt tới mục-đích... »

Ngày hôm sau, ông bất-an; sợi một vị thuốc được bình-phục. Tôi bèn khẩy ông rằng: Vị thuốc này cũng đẹp, vì nó đã khéo đạt tới mục đích là khiến cho ông khỏi bệnh. » Lúc đó ông mới hiểu rằng ông không có thể khen vị thuốc là đẹp được; phàm muốn gọi cái gì là đẹp, tất cái đó phải hiến cho ta cái thú chú-ý ngắm-xem, thỏa-tìm vui-thích. Tấn kịch hôm nọ, mình khen là đẹp, hẳn cũng bất ngoại cái ý là khiến cho ta hai cái thú đặc-biệt đó, chứ không phải là vì soạn-giả đã khéo đạt tới mục-đích...

Lại nhân một chuyến phiếm-du sang nước Anh, tôi với ông triết-học ấy cùng đi xem diễn-kịch; tình-cờ lại chính là tấn kịch xem khi trước, mà họ dịch cũng đúng như hệt, thì thấy khách ngồi xem chỉ thở giài, ngáp vặt, chán hơn cơm nếp nát... Nhà triết học ta kêu lên rằng: « Ôi! thế ra cái đẹp đối với người Anh, người Pháp không giống nhau. Lạ nhỉ! »

Nghĩ ngợi mài rồi nhà triết-học tức-luận rằng: « Cho mới biết cái đẹp không nhất-định, cứ tùy cảm-giác của mọi người, tùy phong-tục của mọi nơi mà có khác vậy

(1) Nghĩa là phải giống hình-dạng con quỉ (người theo đạo Gia-Tô tin rằng quỉ Sa-tan có hai sừng một đuôi, bốn chân móng nhọn....)

Tỉ cũng như sự thật-thà chất-phác ở Nhật-Bản, đối với La-Mã lại là kiểu giả-trá điêu-ngoan ; mốt nhã-nhặn thanh-tao ở Ba-Lê, so với Bắc-Kinh lại là kiểu lăng-nhăng lố-bịch. Nay mình dù tốn công triết-lý, đại-luận về cái thuyết đẹp đến đâu ra nữa thì chung-qui cũng chỉ có thế mà thôi ».

Chương-phủ,. NGÔ-HUY-VĂN dịch

Vọng vân hoài cảm khúc

Chèo non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công-lao mẹ già.
Thơ Lục-Ngạn từ ngày vắn tóc,
Cuộc tang-thương mấy chốc đổi thay.
Thương càng nghĩ, nghĩ càng cay,
Trăm năm không dễ một ngày đền ơn.
Lòng vòi vọi cao sơn bích thủy,
Biết bao giờ tìm thấy chân-dung ;
Non Tiên cửa Phật ngàn trùng,
Một con mây bạc, mấy vòng xa trông.
Nhớ mẹ trước vốn giòng gia-thế,
Phái hoàng-thân về hệ thứ ba,
Con quan Chánh-sứ hoàn-gia,
Tháng mười năm sửu sinh ra ứng kỳ ;
Gặp gia-vận đương khi lúng-túng,
Tuổi còn xanh khuất bóng từ-vi ;
Sớm khuya nương ở cùng dì,
Áo lau cơm hẩm quản gì tấm thân.
Tình máu mủ em nang chị đỡ,
Dắt-díu nhau đến thuở trưởng thành ;
Tuổi vừa đôi tám xuân-xanh,
Se tơ sớm kết duyên lành Tống-gia.
Trong khuê-khổn thuận hòa rút mực,
Ngoài thôn-lân thành thực cheo gương ;
Một niềm hiếu-phụng cô chương,
Ngọt bùi chăm-chút lễ thường hôm mai.
Việc công tắc sửa tầy nội-trợ,
Nghĩa châu-thân giúp đỡ bà con.
Mấy lời từ huấn hãy còn,
Giúp người lòng thảo để con phước lành.
Năm ất-dậu kinh-thành thất-thủ,
Đấng gia-nghiêm vị chủ vong gia.
Đương cơn gió táp mưa sa,
Một tay chống vững cửa nhà đôi bên;
Lấy cần-kiệm giữ bền gia-đạo,
Đội ơn trời ấm áo no cơm
Bao thu hòa-hợp sắt cầm,
Mười hai sinh-sản ba năm vuông tròn.
Năm nhâm-dần chiếu son ban sức,
Nghiêm-quân vào cung chức Qui-Nhân ;
Việc nhà lo liệu một thân,
Sách đèn giắt dủ, tảo tần chăm lo.
Năm giáp thìn lụt to gió dữ,
Khắp đâu đâu cửa vỡ nhà tan ;
Đầy đường vang những tiếng oan,
Kẻ kêu mất của, người than mất người :
Một mình mẹ, năm mười đứa trẻ ;
Khéo dắt dìu giời để bình-yên ;
Gia-quân khi đã hồi yên,
Loạn-ly được thấy đoàn viên thêm mừng.
Nhớ thuở hãy đương chừng thơ bé,
Bệnh phong-toan trầm trệ muôn phần ;
Ngỡ là bèo bọt chút thân,
Biết dâu may được thành nhân có rầy.
Vì có mẹ đêm ngày săn sóc,
Quản bao nhiêu tìm thuốc tìm thầy ;
Nhờ công mẹ, gặp thầy hay,
Sinh tôi ra nữa lần này là hai ;
Trong anh em ai ai cũng vậy,
Nhưng mừng tôi nhờ cậy phần hơn.
Nghĩ mình mình những riêng hờn,
Tóc tơ chưa chút đền ơn gọi là.
Năm giáp-dần vận nhà truân-bĩ,
Ngày tháng ba tổ tỷ qui tiên ;
Việc tang lo liệu vừa yên,
Gia-nghiêm lô mộ ưu-phiền chưa nguôi.
Cơn biến-cố ai sui nên thế,
Một năm mà tang chế hai lần!
Lòng tơ bối-rối nhà xuân,
Nửa phần hiếu-cảm, nửa phần tình thương.
Thảm thiết nhẽ ngành vàng lá sấm,
Trận gió lay mười tám tháng mười;
Nửa đêm xe hạc chầu giời,
Hưởng niên vừa được năm mươi tuổi tròn.
Nhắc lại thuở mẹ còn lâm bịnh,
Tôi còn mang công-mịnh ở Thanh ;
Theo chồng chị Phú em Bình (1),
Ở nhà út dại chị mình Toại khôn.
Thấy anh chị thần hôn phụng dưỡng,
Tưởng mẹ còn ngày tháng thảnh-thơi,
Ngờ đâu dâu bể cơ trời,
Gót tiên phút đã tìm nơi bồ-đề.

(1) Phu là Phú-Hòa, Bình là Bình-Thuận (tên đất ở Trung-kỳ).

Ngẫm gia sự đề-huề mọi nỗi,
Ăn làm sao, biết nói làm sao?
Bây giờ đất thấp trời cao,
Quan sơn chưa dễ âm-hao tới liền.
Tủi thân tôi tài hèn phận mọn,
Vì thân mưu nên mọn hiếu-tình;
Cách năm kẻ Huế người Thanh,
Chèo non dựa cửa, chút tình nhớ mong.
Mẹ lâm bệnh, đã không hầu thuốc,
Mẹ từ trần, chẳng được gần giường;
Liệm thời không được nương quan,
Táng thời không được bàn-hoàn tận nơi.
Chỉ tiếp được mấy lời giây thép,
Hãi-hùng thay như sét bên tai!
Thân phàm không cánh mà bay,
Dặm ngàn không dễ một ngày hồi-trang.
Phần bận-bịu về đàng công-sở,
Lại gió mưa cách-trở dọc đường;
Gập-ghềnh một bước mười thương,
Đầm-đìa giọt máu, mơ-màng hồn quê.
Trải mấy bữa mới về tới Huế,
Nhìn non sông khác thể ngày xưa;
Trước ga em Toại đứng chờ,
Nhìn xem nhan-sắc bây giờ kém tươi.
Ôm nhau những vẫn giài sài-sụt,
Dắt nhau từng mấy khúc đến nhà;
Tiêu điều hoa cỏ vườn ta,
Cúc vàng mặt ủ, liễu già mày chau.
Bước vào cửa ôm đầu lăn khóc,
Hỏi làm sao tang tóc một nhà;
Đi đâu? không thấy mẹ già!
Thấy em ngơ-ngác, thấy cha âu-sầu.
Trước linh-tọa cúi đầu làm lễ,
Nỗi-niềm này biết kể cùng ai?
Khi con mới bỏ ra ngoài,
Mẹ cầm tay dặn mấy nhời đinh-ninh.
Con trở lại, mẹ đành bỏ vắng,
Ngẫm lời xưa chưa đặng đầy năm;
Than ôi! giời bể xa-xăm,
Suối vàng ai dễ hỏi thăm lối nào!
Theo em Toại bước vào trước mộ,
Ngoài đo-tàn còn có gì đâu?
Từ bề cây cỏ một màu,
Cỏ cây như giục mối sầu con côi.
Nghĩ nông-nỗi đòi thời khóc nghẹn,
Những trách mình lại thẹn cùng em;
Đòi cơn ruột nát gan mềm,
Tấm hương càng đốt càng thêm lửa phiền.
Tội kiếp này đã nên bất-hiếu,
Nguyện kiếp sau xin nguyện một nhời:
Được làm con mẹ ở đời,
Quyết đem da tóc đền bồi tình thương.
Thân này dẫu muôn hàng huyết-lệ,
Dễ đền ơn non bể cao sâu?
Xiết bao đắp nhớ đổi sầu,
Ngọn đèn cao thấp, đìa dầu đầy vơi!
Nhớ là nhớ mấy lời dạy bảo,
Trông cho con trung hiếu vẹn tròn;
Dẫu rằng phận mỏng cánh chuồn,
Lời vàng vâng tạc, tấc son dám lìa.
Nhớ là nhớ sớm khuya thức giắt,
Trông cho con xuất-sắc với đời;
Dẫu rằng tài chẳng bằng ai,
Gia-phong xin nối lấy nòi trâm-anh.
Mấy lúc trước nương mình bên cửa,
Thấy con về mừng-rỡ hỏi thăm;
Bằng nay vắng-vẻ hơi tăm,
Gió lay trận thảm, mây giăng ngọn sầu.
Mấy lúc trước đứng hầu dưới trướng,
Truyện thánh hiền mưỡng tượng trong [tai;
Bằng nay thanh vắng mảnh mai,
Gương treo cổ-lục, bụi đầy huy-phong.
Núi Ngự-bình trăng trong còn dọi,
Sông Hương-giang nước lũ còn tuôn;
Ngàn năm khổn-phạm chưa mòn,
Tiếng lành để với nước non không già.
Miếng chung-đỉnh sau mà có phận,
Mùi trân-cam biết tấn cùng ai?
Than ôi! trời đất cao dầy,
Tấm lòng từ-mộ biết ngày nào nguôi.
Con đành đã ngậm-ngùi ơn mẹ,
Cháu cũng xin nương ghé phước bà;
Một bài góp nhặt nôm-na,
Dù chăng hay dỡ cũng là tình con.

Đông-Hới TỐNG-PHƯỚC-GI

Bài tự-tình

(Có một chàng say rượu, đêm về nhà, thấy chó tha cái cù-dèn ra trái nhà, liền kể tội ra để dẫy vợ. Vợ thấy thế, cũng kể công ra để trách chồng. Rồi đến cả bố vợ cũng kể nông-rồi ra để mắng chàng rể. Ba bên cùng kể-lể, quay lại thành đoàn-viên. — Bài này không biết của ai làm. Vấn-đề cực nhỏ mọn, mà văn-chương cực ly-kỳ xem ra thực là văn cổ).

— « *Trải ngày tháng ăn chơi rảnh mặt,*
Về đến nhà rếch mắt khó coi.
Nói ra thời sự lôi-thôi,
Im đi thời lại ra người tối đen.
Nay nhân việc dĩa-dèn dổ vỡ,
Nói ra cho con nợ được hay !
Cửa nhà bảy tám năm nay,
Thằng tao cậy đã có mày trông coi.
Nên tao chẳng soi-soi xét-xét,
Đến bây giờ mới biết rằng toang !
Cửa, nhà, chĩnh, cựa, vò, ang,
Để chen để chúc không hàng không ngôi.
Chén, bát, đĩa, lôi-thôi lốn-nhốn,
Chậu, sanh, nồi, để lộn để quanh ;
Cà, tương, mắm, muối, giưa, hành,
Đồ ăn thức dựng để phanh ra ngoài.
Rìu, cưa, búa, bừa, cầy, thuổng, cuốc,
Đục, chàng, cưa, giép, guốc, ngổn-ngang ;
Nong, nia, thúng, mủng, giần, sàng,
Sọt, giành, rổ, giá, toang-hoang thế này?
Càng nói lắm, càng cay càng đắng,
Bởi mày không trông giặng cho nên.
Đêm qua có một cái đèn,
Hãy còn vằng-vặc treo lên cửa này.
Hãy năm-nắp còn đầy dĩa mỡ,
Đến bây giờ đã vỡ làm đôi ;
Mỡ thời dáo hoẻn đi rồi,
Cù-dèn chó gặm, tha lôi đầu nhà.
Của nhà này hại ta đã lắm,
Đến bây giờ ông nắm được tang.
Thôi thôi, cũng chẳng trình làng,
Cũng chẳng trình họ trình hàng nữa chi.
Sẵn giao kéo ông thì gọt gây,
Bôi vôi vào tổ chấy cho coi !
Giắt tay tống khứ giao-hồi,
Chẳng cho một phút đứng ngồi ở đây ! »

— « *Trình chàng hãy khoan tay nghĩ lại,*
Để em xin thưa lại mấy nhời :
Đêm qua thu xếp vừa rồi,
Ẵm con đi ngủ phỏng thời canh hai.
Đèn treo ở nhà ngoài cẩn-thận,
Chẳng biết rằng ai cất đi đâu.
Bây giờ đổ chết cho nhau ;
Nồng-nàn đến nỗi gọt dầu bôi vôi !
Lại tống khứ giao hồi cha mẹ,
Tiếng-tăm này biết sẻ bao vơi.
Đĩa đèn nào của mấy mươi,
Mà chàng coi của hơn người thế a ?
Tính từ lúc bước ra khỏi cửa,
Về làm dâu quá nửa năm rồi ;
Ăn riêng bảy tám năm giời,
Chẳng hề chàng phải một nhời khuyên răn.
Nghĩ cũng đã êm-đềm chăn gối,
Việc làm ăn theo đuổi chị em ;
Việc làm chẳng quản ngày đêm,
Ruộng nương vườn được trông nom một mình.
Dù chàng có nay đình mai quán,
Lúc đi về bầu bạn theo sau ;
Bạn thời điếu thuốc miếng giầu,
Bạn thời chè chén đêm thâu canh tàn.
Cũng chẳng dám nhời than tiếng gắt,
Miệng vui cười khăn-khắn dạ vàng ;
Truyền gì, chân bước tay nâng,
Mấy năm nay đã chưa từng dám sai.
Đêm đêm cứ canh hai mới ngủ,
Đầu canh tư đã ủ lấy con ;
Tay lừa mà miệng dỉ-don,
Sao cho con ngủ được bon ra ngoài.
Rét ngan-ngắt một hai manh áo,
Rón chân đi vo gạo rửa nồi ;
Thổi cơm nấu cháo vừa rồi,
Đàm bèo nấu cám, ra ngoài hái dâu.
Đoạn thôi dọn chuồng trâu xoay-sở,
Dọn song rồi, quét rửa trong ngoài :
Tiếc rằng đêm hãy còn dài,
Lại đi gánh nước, thái khoai, vớt bèo.
Rét quá nỗi, tay siu miệng khẩy,
Phải tìm đồ sưởi sấy đỡ run ;
Lên nhà lại ẵm lấy con,
Giời vừa tang-tảng, chồng còn ngủ say.
Lại tưởng nỗi hơi may lạnh ngắt,
Hâm nước nồng rửa mặt rửa tay.
Coi nhau như bát nước đầy,
Dẫu rằng cơn tỉnh cơn say cũng tùy.

Muốn an uống thức gì cũng sẵn,
Vẫn rượu tam, thức nhắm hẳn-hoi ;
Cửa nhà tuy chẳng trông coi,
Chưa hề tiếng óc tiếng oi dãi-dằng.
Nghĩ một ngày dã rằng có chủ,
Dẫu trăm năm giầu có cùng nhau;
Vì dù học thói Tề hầu,
Khinh chồng ai có khen dâu đến mình.
Cho nên phải tận tình nàng-rắc,
Để người không tiếng bắc tiếng chì.
Dốc lòng từ thuở vu-qui,
Sao cho hợp chữ " nghi kỳ thất gia. "
Tuy sánh với người ta chưa kịp,
Song trong nhà đã gấp hơn xưa ;
Vì dù ngủ sớm dạy trưa,
Hớ-hênh cũng chẳng nên cơ nghiệp này.
Công-đức ấy mà nay nỡ phụ,
Hẳn dộng no kẻ cũ người quen.
Kia như có một cù-dèn.
Giùi mài cho đến dất đen dất vàng.
Lại tống giả họ hàng cha mẹ,
Hẳn từ đây mát-mẻ yên thân.
Cửa nhà phó mặc phu-quân,
Mượn ai thái tảo thái tần mặc ai.
Vì một nỗi quan-hoài trong dạ,
Cho-nên còn chưa nỡ bước ra :
Sinh con tuổi mới lên ba,
Song đà tính tháng mới già một năm.
Khát sữa nó làm lăm mở miệng,
Chửa từng quen mấy miếng cơm nhai ;
Bây giờ cách trở đôi nơi,
Mẹ đầy vú sữa, con thời dói meo !
Khát sữa nó hắt heo kêu khóc,
Miếng cháo cơm mặn nhạt mau thưa.
Nhớ hơi nhớ sữa sớm chưa,
Ắt là nó khóc như mưa như gào.
Nông-nỗi ấy biết bao quên dược,
Chữ tình-thâm một bước một đau !
Tam-cương phụ-tử ở đâu,
Lìa nơi cắt rốn chôn rau sao dành.
Nay chàng đã tận tình thế nữa,
Giấu vôi này biết rửa bao xong.
Đã nên chẳng vẹn chữ tòng,
Nghiến răng quyết bẻ chữ "đồng" làm ba.
Mẹ chịu tiếng về nhà cho rảnh,
Con ở đây vai gánh đỡ cha. »
Nói thời làm-tã chửa sai,
Giã con, về mấy mẹ cha sinh-thành.
Vừa tình hết sự tình nông-nỗi,

Vàng-vàng nghe tiếng gọi bên ngoài :
" Mẹ thằng đỏ hỡi kia ơi,
Ra anh nán nỉ một lời dà nao.
Đạo vợ chồng biết bao duyên nợ,
Thói nhạt nồng ai nữa là không.
Giận ta mà có quyết lòng,
Còn con thơ-dại để chồng sao nên.
Khát sữa nó rên-rên kêu khóc,
Giỏ đừng ngồi lan-lóc không thôi;
Rù rì bồng bế mọi nơi,
Lưng thời càng vỗ càng dôi khóc gào.
Cám bã để nơi nao chẳng biết,
Lợn kêu gào biết lấy gì cho :
Rối xòe chắp cánh ngồi co,
Giận thân mà lại thêm lo việc nhà.
Ngày hôm qua sang nhà chú Xã;
Cũng ngờ rằng quấy-quả ti thôi.
Ai ngờ thím Xã hẳn-hoi,
Sửa-sang tiệc rượu rõ coi ra tuồng !
Đã giết một con muông rõ béo,
Thịt nấu ninh thực khéo là ngon.
Lại thêm cua bể, lòng thuồn,
Đồ ăn nào thiếu miếng ngon thức lành.
Rượu sen, cúc, rành rành nhất-phẩm,
Hơi đã xông lại tầm quế-quan.
Gia-tàn gia-chủ bàn-hoàn,
Giang tay uống đến canh tàn đêm thâu.
Say quá đỗi cất đầu chẳng nổi
Lúc ra về lặn lội bờ ao ;
Tưởng rằng cũng đã thế nào,
Con ma nó lại giúi vào bờ tre.
Đi luẩn-quẩn bò về đến cổng,
Mới biết rằng còn sống chưa ươn!
Về nhà giở giọng lờn-khươn,
Mơ-màng nào biết chạch lươn vắn dài.
Giức-lác đã váng tai hàng xóm,
Lại tìm diều đèn đóm lôi-thôi.
Thôi tôi biết tội tôi rồi,
Từ rầy thề chẳng mềm môi rượu chè.
Mẹ mi bớt giận giở về,
Kẻo con nó khóc đã se cổ rồi ! »
— « Hỡi chú rể vào ngồi ta nhủ,
Để cho tà nói rõ vào tai !
Con ta nữ sắc, nữ tài,
Tưởng đông xưa cũng nhiều người cầu thành.
Vì bạn với Tiên-quân khi trước,
Đã trót điều nguyện-ước với nhau.
Nghiến răng cố bắc dịp cầu,
Rành vàng đỡ lấn với thau phải chì.

Sao ngươi cứ đen sì như mực,
Chẳng biết rằng tủi cực vợ con.
Căm căm như ngậm bồ-hòn,
Đắng cay vì nỗi chồng con hoang-toàng.
Lại quen thói nay hàng mai chợ,
Lúc say rồi chẳng ngợ khen chê.
Tít-lì mới giở ra về,
Điên-điên đảo-đảo ngã kề ngã nghiêng.
Tre ai giồng ở giữa đường,
Ao ai đào ở đầu làng đánh khăm.
Vợ nghe tiếng hơi tăm phải nép,
Mặt giầy-giầy lá ép chồng mo.
Thế mà chẳng biết thẹn-thò,
Lại còn nay giận mai vò với ai ?
Con ta đã chẳng có tài,
Về mà đi kiếm chác ai mặc lòng."
— " Trăm nghìn lạy Nhạc-ông nghĩ lại,
Bởi say xưa quá dại cho nên.
Tỉnh ra mới biết nguồn-cơn,
Dại này còn biết khôn làm sao đây !
Xin ông bớt giận làm khuây,
Từ rầy không dám quá say rượu chè.
Xin ông cho mẹ cháu về. »

(Trích trong tập văn lai-cảo của Tản-Đà tu-thư-cục).

Đêm hè

Đêm khuya trằn-trọc mãi này a ?
Trăm mối bên lòng luống thiết-tha.
Quốc quốc bờ ao hồn nhớ nước,
Gia gia trong bụi tiếng thương nhà ;
Đầy trời oi-ả hơi than lửa,
Khắp đất âu-sầu nỗi cỏ hoa.
Mới biết đêm hè là thế ấy,
Trên không hờ-hững bóng giăng-tà.

VĂN-GIANG

Sơ-thu hoài-cảm

Lạnh-lùng trướng gấm báo tin thu,
Giở dậy canh khuya khách tựa lầu :
Ấy vẫn Nam Nam cùng Bắc Bắc,
Những là Á Á với Âu Âu ;
Cho hay phong-hội âu là thế,
Mà cái văn-minh nó ở đâu ?
Sơn-hải hỡi ai người thệ-ước,
Gió hiu, giăng lạnh, tiếng ve sầu.

Tản-Đà

Người Annam! Nên đọc báo
L'ECHO ANNAMITE
CHỦ-NHÂN : NGUYỄN-PHAN-LONG
64, *Rue Bonnard — Saigon*
Mỗi ngày một kỳ
Một năm **20 $ 00** — *Nửa năm* **11 $ 00**
Mua báo gửi thư và mandat cho M. NGUYỄN-HÁO-VĨNH Administrateur

Ngô-Việt xuân-thu

(*Tiếp theo*)

HỒI THỨ IV

Năm trận đánh, Ngũ-Viên phá kinh Sở.

Bảy ngày khóc, Bao-Tư mượn quân Tần.

Tôn-Vũ đã lĩnh chức quân-sư, hết lòng luyện-tập quân-sĩ. Cách vài tháng, Hạp-Lư ngự ra giáo-trường trông thấy đội-ngũ chỉnh-tề, quân-oai hùng-dũng, trong bụng mừng lắm, liền sai Tử-Tư và Tôn-Vũ dẫn quân đánh Sở, hai người lĩnh-mệnh kéo quân sang Sở lấy được ấp Thư, giết được Cái-Dư và Chúc-Dung. Hạp-Lư muốn thừa thắng kéo vào Hĩnh-đô. Tôn-Vũ can rằng:

« Dân trong nước hãy còn mệt nhược chưa thể dùng được. »

Hạp-Lư nghe nhời, liền cho hai người rút quân, Tử-Tư nói với Hạp-Lư rằng:

« Trong binh-pháp: phàm muốn ít quân mà đánh được bên nhiều quân, yếu thế mà đánh được bên mạnh thế; tất phải làm thế nào cho quân ta vẫn thư-rỗi, mà quân giặc phải mệt nhọc. Vậy xin Đại-vương đem quân trong nước chia làm ba cánh: mỗi khi sai một cánh sang quấy nhiễu biên-thùy nước Sở; hễ quân Sở ra cứu, thì quân ta lại về; quân Sở rút về, thì quân ta lại sang. Bao giờ quân Sở nhược-mệt chễ-biếng, bấy giờ thình-lình ta kéo quân sang đánh, tất là được to. »

Hạp-Lư lấy làm phải, liền y nhời Tử-Tư chia quân làm ba toán, cắt lượt sai sang quấy-nhiễu cõi Sở, quả-nhiên quân Sở chỉ những đi về mà khốn-nạn. Năm thứ 4 (513 trước Thiên-Chúa) Hạp-Lư sai Tử-Tư Tôn-Vũ và Bá-Phĩ dẫn đại-quân sang đánh Sở. Một mặt sai sứ sang nước Việt lấy thêm quân để tiếp-ứng. Bấy giờ vua Việt là Doãn-Thường đương hòa với Sở, không chịu phái quân giúp Ngô. Tôn-Vũ và Tử-Tư đánh Sở đã lấy được ấp Tiềm và ấp Lục vì không có quân tiếp-ứng, phải rút về. Hạp-Lư thấy vua Việt không theo mình lấy làm căm tức, năm thứ 5 dẫn đại-quân đánh Việt, quân Việt bị thua ở Tuy-Lý quân Ngô cướp bóc thật đầy rồi về.

* * *

Qua năm sau, Lệnh-doãn nước Sở là Nang-Ngõa đem thủy-quân đánh Ngô để báo thù trận Tiềm. Lục Hạp-Lư sai Tử-Tư Tôn-Vũ đem quân cự-địch, hai người đánh thua quận Sở ở nước Sào, bắt được Công-tử Phồn. Hạp-Lư bảo hai người rằng:

« Nếu không kéo quân vào được kinh-đô nước Sở, thì dẫu trận này có đánh được Sở cũng như không được. »

Tử-Tư tâu:

— Nước Sở là một nước mạnh nhất thiên-hạ, chưa thể khinh-địch được. Nếu Đại-vương muốn kéo quân vào thẳng Hĩnh-đô tất phải chiêu-dụ nước Đường nước Sái.

— Hai nước ấy hiện đương phụ-thuộc vào Sở, chiêu-dụ thế nào được?

— Hai nước ấy tuy có phụ-thuộc vào Sở, nhưng vẫn oán Sở. Nếu Đại-vương chiêu-dụ cũng có thể được.

— Oán Sở vì việc gì?

— Vì năm xưa Đường-hầu và Sái-hầu vào chầu vua Sở, Sái-hầu có đôi áo cừu, Nang-Ngõa muốn lấy một; Đường-hầu có đôi ngựa tứ-xương, Nang-Ngõa cũng muốn lấy một, hai vua cùng không cho, Nang-Ngõa giam hai vua, ba năm không cho về nước. Sau người nước Đường phải ăn trộm con ngựa của Đường-hầu dưng Ngõa, Sái-hầu cũng xin dưng áo cừu. Bấy giờ Ngõa mới tha cho hai vua; từ đó hai vua đều thâm-oán nước Sở, vẫn muốn báo thù. Nay Đại-vương sai sứ chiêu-dụ tất là hai nước theo cả, hễ được hai nước ấy hợp quân với ta, thì phá Hĩnh-đô chẳng khó gì vậy.

Hạp-Lư tức thì sai sứ đi dụ hai nước, hai nước cùng nhận nhời cả. Đường-hầu lại cho con là Công-tử Kiển sang ở bên Ngô làm tin. Hạp-Lư mừng lắm, liền nhắc Tôn-Vũ làm đại-tướng; Tử-Tư, Bá-Phỉ làm phó-tướng, Công-tử Phù-khái (em Hạp-Lư) làm tiên-phong; Công-Tử Sơn (con thứ Hạp-Lư) chuyên đốc lương thảo; Chuyên-Nghị và By-Lý giúp Thái-tử Ba giữ thành Cô-Tô. Cắt-cử đâu đấy, Hạp-Lư thân dẫn các tướng tá và sáu vạn tinh-binh theo đường thủy chầy đi. Quân đến nửa chừng, vừa gặp Đường-hầu và Sái-hầu, ba nước hợp quân làm một, kéo thẳng đến khủyu sông Hoai; Tôn-Vũ chuyền lệnh quân-sĩ bỏ thuyền lên bộ, Tử-Tư hỏi tại cớ gì, Tôn-Vũ đáp:

« Thuyền đi ngược nước chậm quá, sợ rằng quân Ngô biết trước mà phòng-bị, thì không thể nào đánh vỡ được. »

Tử-Tư phục là cao-kiến. Khi đã lên bộ Tôn-Vũ chuyền lệnh kéo qua núi Dự Trương, thẳng đến phía bắc sông Hán hạ trại.

Đại-Tướng bên Sở là Nang Ngõa nghe tin quân Ngô đã tới sông Hán, kinh sợ hết vía, tức thì: một mặt dẫn quân đóng án-ngữ ở phía nam sông Hán; một mặt phi báo về kinh, cho Chiêu-Vương. Chiêu-Vương nghe báo giật mình, liền sai Tư-mã là Thẩm-doãn-Tuất thống lĩnh 15.000 đại-binh thẳng tới Hán-dương tiếp ứng Nang-Ngõa. Tuất lĩnh mệnh dẫn quân chầy đi, khi đến Hán-dương Nang-Ngõa đón vào trại, Tuất hỏi hết tình-thế quân Ngô rồi để một viên đại-tướng là Vũ-thành-Hắc và 5000 quân ở lại Hán-dương giúp Nang-Ngõa và dặn Ngõa phải đem đại-quân đóng dinh suốt giải bờ sông; bao nhiêu thuyền chài đò ngang ở khúc sông ấy phải bắt hết sang bờ bên này; thượng-lưu và hạ-lưu, phải có một đội thủy-quân đêm ngày tuần-tiễu, không cho quân Ngô cướp thuyền sang sông. Tuất tình-nguyện lĩnh một vạn quân qua Tàn-Tức diễu đến khủyu sông Hoài đốt hết thuyền bè của Ngô, và chẹn lấp các đường xứ đông, cho quân Ngô tuyệt lối về nước. Tuất lại hẹn Ngõa trong một tháng nữa tiếp được mật-tín của Tuất, thì đốc quân qua sông, hợp với quân Tuất vây đánh trại Ngô. Bàn định đâu đấy, Tuất từ-biệt Ngõa, dẫn quân chầy đi Tàn-tức.

Tuất đi trong vài ngày: Vũ thành-Hắc và một viên ái tướng của Ngõa là Sử-Hoàng cùng sui Ngõa kéo quân sang sông đánh vào trại Ngô, để tranh công của Tuất. Ngõa nghe nhời, liền đốc đại-quân xuống thuyền, sang sông Hán, kéo thẳng đến núi Tiểu-Biệt giàn trận, Sử-Hoàng dẫn quân khiêu chiến. Bên kia Tôn-Vũ sai Phù-Khái nghênh-địch, Phù-Khái dem ba trăm dũng-sĩ dùng thuẫn còn gỗ to và nặng, gặp quân Sở quật đánh túi-bụi, Sử-Hoàng thua to, chạy tháo thân về dinh. Đêm hôm ấy Sử-Hoàng lại bàn với Ngõa kéo đại-quân đến núi Đại-Biệt, nhân khi bất-ý, đánh vào trại quân Hạp-Lư. Bên kia Tôn-Vũ và Tử-Tư biết trước việc đó, phục quân phòng bị. Khi quân Sở kéo đến Đại-Biệt, bị quân Ngô đổ ra đánh giết, quân Sở chết hại không biết bao nhiêu. Ngõa và Sử-Hoàng, Vũ-thành-Hắc liều chết xông ra vòng vây, dinh trại trên sông, cùng bị Tử-Tư lấy mất; ba tướng thu-thập quân tàn, ngay ban đem chạy về Bách-Cử. Lập trại xong, Ngõa ban với Sử-Hoàng muốn bỏ trại chốn về kinh cầu-cứu, Sử-Hoàng sợ bỏ trại trốn đi, thì quân Ngô kéo thẳng vào Hĩnh-Đô, muốn hết sức đánh một trận nữa, có chết cũng không sấu. Đương khi bàn-bạc phân vân, thì thấy báo có đại-tướng là Vi Xạ dẫn quân cứu ứng, Ngõa vội-vàng ra đón vào dinh. Trong khi bàn luận binh-cơ, Xạ với Ngõa không hợp ý nhau: Ngõa thì cậy mình quan to, không kính trọng Xạ, Xạ thì khinh Ngõa tài hèn, không đáng làm đại-tướng. Vì thế mỗi người đóng riêng một trại, công việc không ai bàn với ai.

Bên kia Phù-Khái dò biết tin ấy xin với Hạp-Lư đem quân đuổi Nang-Ngõa, Hạp-Lư không nghe, Phù Khái cứ dẫn 5000 quân bản-bộ hết sức theo đuổi. Tử-Tư biết chuyện, tức khắc dẫn quân tiếp-ứng. Phù-Khái đuổi đến Bách-Cử, đốc quân xông vào đánh trại Nang-Ngõa. Trong trại không phòng bị, quân sĩ rối-rít tán loạn. Nang-

Ngõa không kịp lên xe, đi bộ chốn ra sau trại, bị quân Ngô bắn trúng vào cánh tay trái ; may gặp Sử-Hoàng dẫn quân bản-bộ đánh quân Ngô, cứu được Ngõa lên xe, và dặn Ngõa muốn chốn cứ chốn, Sử-Hoàng thì tình-nguyện chết với quân Ngô ; Ngõa run-sợ hết vía, đốc quân đẩy xe chạy tắt sang Trịnh. Hoàng quay lại vừa gặp toán quân Tử-Tư ; trong khi giáp trận, Hoàng vác kích xông xáo, chém chết hơn hai trăm người, rồi bị trọng-thương chết. Vũ-thành-Hắc cũng bị Phù-Khái chém ở trong trận.

Khi đó, con Vỉ-Xạ là Vỉ-Diên nghe thấy tiền doanh bị cướp, xin với cha đem quân ra cứu-ứng. Vỉ-Xạ không nghe, thân ra đứng trước cửa trại đàn-áp tướng-sĩ, vì thế trại quân vẫn giữ được vững, bao nhiêu bại-quân của Nang-Ngõa chạy cả đến đó ; Vỉ-Xạ hạ lịnh nhổ trại rút lui. Sáng hôm sau Phù-Khái nghe thấy Vỉ-Xạ rút quân tức khắc đốc dẫn tướng-sĩ đuổi theo ; Tôn-Vũ cũng sai Đường-hầu và Sái-hầu đem quân tiếp-ứng. Đuổi đến bến Thanh-Phát ; Phù-Khái bàn với Đường-hầu, Sái-hầu, hãy tạm lui quân, chờ lúc quân Sở sang sông một nửa, Phù-Khái đốc ba cánh quân nhất-tề xông đến đánh giết ; quân Sở chanh nhau xuống thuyền, đội quân rối-loạn. Vỉ-Xạ ngăn cấm không được, phải lên xe chạy chốn, chạy đến Ứng-phệ, tướng sĩ đói mệt, đỗ lại dừa đường đào đất làm lò thổi cơm. Cơm chín chưa kịp ăn, quân Ngô đã nhan-nhản kéo đến, quân Sở rối-rít chạy chốn, Vỉ-Xạ vấp xe, bị Phù-Khái đâm chết, Vỉ-Diên cũng bị quân Ngô vây bọc kín mít, hết sức xông-xáo không sao ra thoát. Đương khi nguy-cấp, chợt thấy góc đông-bắc có tiếng hò reo, thì là Thầm-doãn-Tuất đem quân lại cứu. Nguyên Thầm-doãn-Tuất dẫn quân đến Tân-Tức, nghe tin Nang-Ngõa bị thua, mới quay binh về, vừa đến Ứng-Phệ thì gặp quân Ngô đương vây Vỉ-Diên, Tuất liền chia quân làm ba cánh, đánh ập vào vòng vây. Phù-Khái không địch nổi, giải vây chạy ; Tuất toạn đốc quân đuổi theo, lại gặp đại-quân của Hạp-Lư, giao chiến một trận, rồi hai bên cùng thu quân lập-trại. Tuất bảo với một người gia-thần là Ngô-câu-Ty rằng :

« Vì quan lịnh-doãn muốn tranh công, mà kế của ta không thành, cũng là việc giời vậy. Nay quân giặc mạnh thế lắm, ngày mai ta quyết một trận tử-chiến ; may ra mà được, thì có thể giữ được giặc không chàn vào kinh ; vạn-nhất mà thua, thì ta gửi ngươi cái đầu của ta, chớ để cho quân giặc lấy được. »

Tuất lại bảo Vỉ Diên rằng :

« Cha ngươi đã chết vì giặc, ngươi phải giữ lấy tính mệnh, nên kíp về kinh bảo Tử-Tây liệu cách phòng-thủ đô-thành, kẻo nay mai thì quân giặc kéo đến. »

Vỉ-Diên cúi đầu lạy tạ, rồi gạt nước mắt từ-biệt.

Ngày hôm sau, bên Ngô bên Sở giàn trận giao chiến, quân Thầm-doãn-Tuất vốn là quân có kỷ-luật, khi vào trận cố chết xông-pha. Phù-Khái tuy khỏe, cũng không đánh đỗ ; đương sắp thua chạy, thì có Tử-Tư, Tôn-Vũ, Bá-Phỉ, Sái-hầu, Đường-hầu dẫn đại-quan kéo đến, xông thẳng vào trận quân Sở, làm cho quân Sở thất-điên bát-đảo. Thầm-doãn-Tuất liều chết xông đánh, ra thoát vòng vây, mình bị vài mươi dấu thương, nằm ườn trong xe, liền bảo Ngô-Câu-Ty rằng :

« Ta không làm gì được nữa, ngươi phải lập-tức cắt lấy đầu ta, đem về trình với chủ-thượng. »

Câu-Ty dùng-dằng không nỡ, Tuất hết sức quát to một tiếng, rồi nhắm mắt lại. Câu-Ty không sao được, phải lấy gươm cắt đầu Tuất, cởi xiêm bọc lại, chạy về kinh đem trình Chiêu-vương.

Chiêu-vương hôm trước đã thấy Vỉ-Diên tất tả về triều, báo việc Nang Ngõa bị thua, Vỉ-Xạ chết trận, hôm ấy lại thấy Câu-Ty đem trình thủ-quắc Thầm-doãn-Tuất, trong bụng bối-rối lo sợ, liền đòi con Tuất là Thầm-chư-Lương giao cho thủ-quắc của Tuất đem về mai-táng, và phong Chư-Lương làm Diệp-Công. Câu-Ty lại tâu quân Ngô thế dữ lắm, nay mai chắc chàn đến kinh-đô, xin phải liệu cách đề-phòng, Chiêu-Vương chuyền mời hai anh là Tử-Tây, Tử-Kỳ giao cho điều-đình công việc giữ kinh-đô. Hai người bàn định hồi lâu, rồi sai đại-tướng

là Đấu-Sào dẫn 5000 quân đóng tại Mạch-thành, chống giữ mặt bắc; Tống-Mộc dẫn 5000 quân đóng tại Kỷ-Nam chống giữ mặt tây; Tử-Tây tình-nguyện dẫn một vạn quân đóng tại cửa sông Lỗ-Phục chống giữ mặt đông; Tử-Kỳ thì xin đốc-xuất bọn Do-Vu Công-Tôn-Ngữ Thân-Bao-Tư đêm ngày tuần-tiễu quanh thành.

« Bên Sở điều-khiển vừa xong, thì quân Ngô đã kéo đại-đội gần đến Hĩnh-đô, Hạp-Lư họp các tướng hỏi mẹo đánh thành, Tử-Tư tâu:

Bốn mặt Hĩnh-đô thì mặt Nam xa hiểm, không tiện tiến quân; mặt đông là sông Lỗ-Phục tức là con đường tắt vào Hĩnh-đô chắc có đại-quân của Sở án-ngữ; muốn kéo quân vào Hĩnh, tất phải do mặt tây và mặt bắc, mà mặt tây có thành Kỷ-Nam, mặt bắc có thành Mạch-Thành, cùng là vây cánh của Hĩnh-đô. Xin chia quân làm ba cánh: một cánh đánh Mạch-Thành, một cánh đánh Kỷ-Nam; một cánh đóng tại mặt đông, phòng giữ toán quân Lỗ-Phục ứng cứu hai thành kia. Nếu hai thành kia mà vỡ, thì Hĩnh-đô quyết không giữ nổi. »

Hạp-Lư và Tôn-Vũ đều lấy làm phải, Hạp-Lư liền sai Tử-Tư và Công-tử Sơn dẫn một vạn quân hợp với quân của Sái-hầu đi đánh Mạch-Thành; Tôn-Vũ và Phù-Khái dẫn một vạn quân hợp với quân của Đường-hầu đi đánh Kỷ-Nam; Hạp-Lư tự dẫn đại-quân cùng Bá-Phỉ án-ngữ mặt sông Lỗ-Phục.

Về mặt quân Mạch-thành: Tử-Tư dẫn quân đến nơi, truyền lệnh quân sĩ dùng túi đất, đá vụn đắp hai vòng thành nhỏ ở phía đông và phía tây, sai Công-tử Sơn và Sái-hầu dẫn quân khiêu chiến, rủ cho Đấu-Sào ra đánh hai vòng thành nhỏ, rồi Tử-Tư thừa cơ kéo quân vào Mạch-thành, Đấu-Sào chạy về Hĩnh-đô.

Về mặt quân Kỷ-Nam. Tôn-Vũ kéo quân đến sông Trương, sai quân-sĩ dắp đê lấp khúc hạ-lưu, rồi sẻ ngòi tháo nước vào thành. Tống-Mộc thấy thành bị nước ngập, đem dân chúng chạy sang Hĩnh-đô, chẳng ngờ thế nước to quá, cả Hĩnh-đô cũng mông-mênh như bể, ngoài thành lại thấy quân Ngô thuyền bè như lá tre kéo đến chân thành, nhân-dân trong thành túi-bụi tìm đường chạy chốn. Chiêu-vương biết Hĩnh-đô không thể giữ được, mới đem Trâm-Doãn-Cố lẻn ra cửa tây, xuống thuyền trở ra sông Thư. Tử-Kỳ đương ở trên thành đốc xuất tướng sĩ giữ nước, nghe tin Chiêu-vương đã chốn, tức thì xuống thành, đem các quan theo đi hộ-vệ. Hĩnh-đô vô-chủ, không đánh cũng vỡ, Hạp-Lư và các tướng tự-do dẫn quân vào thành. Tôn-Vũ sai người phá đê cho nước chảy ra sông, và đốc quân bốn mặt canh giữ. Tử-Tư và Sái-hầu, Đường-hầu cũng về đó yết-kiến Hạp-Lư. Hạp-Lư truyền mở tiệc khao thưởng tướng sĩ. Đêm hôm ấy Tử-Tư xin Hạp-Lư ngủ ở trong cung vua Sở, bắt Sở phu-nhân bồi-tiếp, và bảo các tướng vào ngủ ở nhà các quan to, bắt những thê thiếp hầu hạ, để làm nhục vua tôi nước Sở. Đường-hầu, Sái-hầu nã nhà Nang-Ngõa thì áo cừu vẫn ở trong hòm, ngựa tú-sương vẫn ở tầu, hai vua lấy áo và ngựa đem dưng Hạp-Lư, rồi xin về nước; Công-tử Sơn bắt vợ Nang-Ngõa về dinh một đêm, hôm sau lại đưa sang dinh Phù-Khái; bao nhiêu vàng, bạc, gấm, vóc chứa đầy trong nhà Nang-Ngõa, cũng bị quân Ngô vơ-vét kỳ hết. Thương thay Nang-Ngõa lúc xưa lừng-lẫy đắc-thế, thu vét bao nhiêu tiền của thiên-hạ, đến lúc thất bại, còn mụ vợ già cũng không giữ được, nhục thật!

Quân Ngô làm nhục người Sở đã hết cách, Tử-Tư vẫn chưa mãn nguyện, bàn với Hạp-Lư muốn hủy-hoại các tôn-miếu nước Sở, Tôn-Vũ can rằng:

« Việc binh phải có danh-nghĩa; xưa Bình-vương bỏ con nhớn mà lập con nhỏ, người trong nước ai cũng phàn-nàn; nay con Thái-tử Kiến là Bạch-Thắng hiện ở nước Ngô, đại-vương nên đòi sang đây lập làm vua Sở để hắn chủ việc tôn-miếu nước Sở thay cho

Chiêu-vương, tất nhiên người Sở cũng yên lòng; mà Bạch-Thắng nhớ đến công-đức nước Ngô, chắc phải xuốt đời cống-hiến. Như vậy tuy là đại-vương tha nước Sở, cũng như lấy nước Sở, danh thực được cả vậy ».

Tử-Tư cốt muốn báo thù, nên không cho nhời Tôn-Vũ là phải, cố xin Hạp-Lư phá thủy tôn-xã của Sở ; Hạp-Lư cũng tham đất cát nước Sở, nên mới không nghe Tôn-Vũ mà nghe Tử-Tư, ngay hôm sau truyền phá thần-chủ, đốt tôn-miếu của các vua Sở rồi mở một tiệc rượu cực to ở đền Trương-hoa, yến-hưởng quần thần. Trong khi dự tiệc, ai nấy vui vẻ, chỉ có Tử-Tư cứ nức-nở khóc không ra tiếng. Hạp-Lư hỏi :

« Quả-nhân tưởng cái chí báo thù của tiên-sinh nay đã thỏa rồi, sao tiên-sinh lại còn sầu-cảm như vậy ? »

Tử-Tư gạt nước mắt thưa :

« Bình-vương đã chết rồi, Chiêu-vương lại chốn mất, cái thù của cha anh nhà thần, muôn phần chưa báo được một vậy ».

Hạp-Lư hỏi :

« Vậy thì tiên-sinh muốn thế nào ? »

« Xin đại-vương cho thần đào mả, bầy quan tài, chém đầu Bình-vương, mới hả cái giận của thần.»

Tiên-sinh giúp đỡ quả-nhân bao nhiêu công việc. Quả-nhân há lại tiếc cái sương khô của vua Sở mà chẳng cho tiên-sinh được hả lòng ! »

Tử-Tư tạ ơn lui ra, tra hỏi người Sở, biết mả Bình-vương táng ở cửa đông, dưới hồ trước đền Liêu, tức thì đốc quân-sĩ đắp bờ tát hồ, đào xuống đáy hồ, quả-nhiên có chiếc quan-tài bằng đá. Quân-sĩ bầy quan lôi thây ra, lấy thủy-ngân nghiệm xem chính phải là Bình-vương. Tử-Tư trông thấy, khi tức đâu bốc lên đùng-đùng, rút văng cái roi đồng chín dóng, giang tay đánh-hạ đủ ba trăm roi, xương thịt gẫy nát. Tử-Tư lại lấy chân phải dạp lên bụng, tay trái móc vào mắt, hầm-hè mà rằng :

« Ai bảo mày giết cha anh tao ? »

Tử-Tư lại chuyền quân-sĩ chặt cổ Bình-vương, đem đầu lâu và hài cốt bêu ở quãng đồng khô, rồi đốc quân-sĩ tầm-nã Chiêu-vương.

Chiêu-vương hôm ấy đem Trâm-doãn-Cố chạy ra sông Thư, quay thuyền về Nam vào trầm Vân, đêm ngủ dưới thuyền, bị đảng giặc cỏ xuống cướp, Trâm-doãn-Cố phải cõng Chiêu-vương lên bờ chạy chốn. Sáng hôm sau, Tử-Tây, Tử-Kỳ, Tống-Mộc Đấu-Sào lục-tục tìm đến. Đấu-Sào tìm thuyền đưa Chiêu-vương về nhà, em Sào là Đấu-Hoài toan giết Chiêu-vương ; Chiêu-vương biết truyện, lại đem bọn Tử-Tây chạy sang nước Tùy.

Tử-Tư thâm được tin ấy, liền xin với Hạp-Lư đem đại-quân đóng ở phía nam nước Tùy, rồi sai sứ đưa thư bảo Tùy-hầu đem nộp Chiêu-vương. Tùy-hầu sai bói việc ấy, thấy quẻ không tốt, mới giấu Chiêu-vương một nơi, rồi sai sứ giả nhời rằng Chiêu-vương không chạy sang Tùy. Tử-Tư cho nước Tùy là một nước nhỏ, tất-nhiên sợ oai quân Ngô, không dám nói dối, vì thế mới tin là Chiêu-vương thực không ở Tùy ; lại sực nhớ Nang-Ngõa ngày trước chạy sang Trịnh, tất-nhiên Chiêu-vương cũng chạy sang đó cùng ở, liền dẫn đại-binh đánh Trịnh. Trịnh-bá biết chừng quân Ngô mạnh tợn, không thể địch nổi, mới hạ lệnh trong nước hễ ai thoái được quân Ngô thì sẽ chia cho nửa nước.

(*còn nữa*)

NGÔ-TẤT-TỐ dịch thuật.

L'ESSOR INDOCHINOIS

88, Rue Pellerin SAIGON

Chủ-nhân : *CAO-VAN-CHÁNH* Quản-lý : *NGUYÊN-HUU-NGÂN*

Mỗi tuần ra hai kỳ — Mỗi năm giá 10$00. — Nửa năm 6$00

(Ai mua gửi thư và mandat cho ông Quản-lý).

Là một tờ báo đáng đọc

時事之部

THỜI-SỰ

Những cuộc hội-nghị trong nước

(Bài này chính nhẽ đăng kỳ này, nhưng vì nhiều bài quá, vậy hoãn đến kỳ sau.)

Cứu dân bị lụt

Ngót hai tháng trời nay, nước vỡ tứ-tung, bốn tỉnh Bắc-Ninh, Hải-dương, Hưng-yên, Thái Bình, kể cảnh khổ não thì chứa chan khôn hết, cứ như các nhà từ thiện tự xuất lực xuất tài, bơi thuyền lội nước vào tận các chỗ lụt to mà cứu-trợ cho nạn dân, thì phần nhiều đều công-nhận rằng tại các làng Cầu-đồng, Sài-đồng, Mai-phúc, Cầu-bây, Cự-linh, Ái-mộ trong huyện Gia lâm, hai huyện Duyên-Hà và Hưng-nhân thuộc Thái-Bình là khổ nhất. Người khỏe mạnh còn khá, chứ người bệnh-não già-nua, thì còn kham sao được những nỗi không cơm không cháo, hay nắng gắt mưa dầm trên mặt nước.

Trên Chánh-phủ cũng đã dục-dịch lập hội-đồng cứu-tế, chưa biết đích bao giờ thành. (1) Tỉnh Thái-Bình thì lập hội-đồng quyên-trợ đã được gần một tháng nay, sự phân-phát đã cứu được nhiều người lắm. Anh em Nam-Kỳ và Trung-Kỳ cũng đang quyên giúp dân Bắc ta.

Bà con tại Hà-thành, nhân vì đợi mãi chưa thấy hội-đồng cứu-tế thành lập như mọi năm, nên sợ rằng đồng-bào bị nạn, cái hơi sống sót chỉ còn thoi-thóp buổi sớm chiều, nên nhiều nhà đã tự xuất gia-nhân, thân-hành thuê thuyền tải lương thực đi chẩn-cấp tận nơi, để vội cứu lấy người đương lúc cơn nguy-cấp ; có người chịu khó vượt thuyền qua những chỗ nước chảy xiết tất hiểm-nghèo, vào những chốn thôn-xã xa-lánh, dỡ mái nhà gianh, lội vào tận nơi, cấp-phát cho những kẻ đỏ mắt đợi miếng ngô củ khoai làm hơi cứu sống ; ngày thời trở thuyền đi phát, tối lại thức xuốt đêm gói gạo, gói muối, thuốc men ; nhiều các bà các cô khuê-các thượng-lưu, bỏ hết việc nhà, mà may vội quần áo, dự bị lương-thực, phòng có tin ở đâu có nhiều người khốn-ách là tải đi ngay. Nghe đâu có một nhà dễ hết tâm-lực vào việc cứu trợ này, gom-góp với thân-thích bằng hữu từ độ nọ đến giờ được hơn 3 nghìn bạc cả thảy, mua lương thực, thuê luôn năm chiếc thuyền, ngày ngày đi khắp các nơi có lụt, cứu người, vớt xác, cho thuốc, cho ăn, cái lòng từ-thiện sốt-sắng của các ngài đã làm cảm-động bao nhiêu nhà từ-tâm khác, ai bận không đi được cũng mang tiền mang gạo đến nhờ phân-phát giùm. Cứu-tế thế mới là cứu-tế, khiến cho lại nhớ đến câu cổ-động cứu dân bị lụt năm xưa :

« Của trời mùa mất,

« Người chết nhà tan.

« Tình dân bị lụt khổ muôn vàn !

« Đồng-bào ai hỡi,

« Cứu nhau này lúc gian-nan ! . . »

Nghe càng bi-ai thống-thiết, nghĩ đến tình đồng-chủng mà sót ruột đau lòng.

Các bạn của bản-chí, nếu vì nào xa-xôi không thể tới nơi cứu-vớt đồng-bào được, bản-chí sẽ xin giới-thiệu với mấy ông bạn hàng ngày đi phân-phát cho nạn-dân, mà gửi chung vào cho tròn quả phúc.

(1) Khi xắp ấn hành, mới nghe tin rằng hội-đồng đã thành-lập. Lại nghe nói : quan Thống-Sứ đã ký nghị-định lấy một số tiền 100.000$ để cứu dân bị lụt.

Được tin ngày thứ bẩy 28 Août có một hội-đồng có quan Thống-sứ Robin chủ-tọa, các quan cai-trị Graffeuil, Dougues, Delsal, le Fonque, Romanetti, Poullet, Osier, Wintrebert, Gélim, Sénelar, quan Tổng-đốc Hà-đông, quan Tuần-phủ Phúc-yên, quan Tổng-giám đốc công-chính Pouyanne, quan chánh Kỹ-sư Lemai, quan Kỹ-sư Công-chính Auphelle họp để bàn cách đề phòng cái nạn thủy-tai về sau này. Chưa biết các ngài làm ra sao ?

Cuộc Quốc-trái

2.060.000 đồng bạc

(Mở chiếu theo luật ngày 6 Mai 1924 và chỉ-dụ của quan Giám-quốc ngày 12 Mai 1926)

Chánh-phủ Toàn-quyền Đông-Pháp được phép mở quốc-trái 2 triệu 6 vạn đồng bạc; vậy từ ngày 1er đến ngày 15 Septembre sẽ phát ra mà bán 41.000 vé vô-danh, nghĩa là trong vé không có đề tên ai mà để cứ ai cầm vé thì là chủ.

1°. — Mỗi vé năm chục đồng bạc;

2°. — Khi mua vé, phải giả cả 50 đồng;

3°. — Lãi mỗi năm 8%, nghĩa là mỗi vé ăn lãi 4$00 một năm; vé Quốc-trái không phải chịu thuế gì từ nay về sau nữa, dầu ở bên Pháp hay ở Đông-Pháp nay cũng vậy.

Lãi sẽ giả sáu tháng một kỳ; vậy mỗi năm đến ngày 15 Mars và 15 Septembre thì sẽ giả lãi; đến ngày 15 Mars 1927 thì sẽ giả lãi lần đầu cho mỗi vé là 2$00.

4°. — Hoàn lại tiền vé thì dùng cách xổ số; khi hoàn lại thì mỗi vé sẽ hoàn đủ 50$00. Còn xổ số cho biết vé nào được hoàn vốn, thì định mỗi năm sẽ có hai kỳ xổ số tại nhà Đông-Pháp ngân-hàng Hanoi; ngày 1er Février 1927 sẽ xổ lần đầu.

Tự năm thứ mười sáu sau năm phát hành công-thải, nghĩa là tự năm 1942, chính-phủ Đông-dương sẽ dùng hết cách để trả cho chóng hết nợ.

Tiền lãi hoặc tiền hoàn vốn đều phát tại Đông-Pháp ngân-hàng hoặc các chi-điếm của ngân-hàng ấy.

5°. — Ai cho vay thì bắt đầu từ ngày 1er Septembre 1926, cứ đến các kho bạc nhà nước, hoặc nhà ngân-hàng cùng chi-điếm ngân-hàng mà mua vé; không phải phí-tổn gì cả; muốn mua mấy vé cũng được. Nhưng Chính-phủ Đông-Pháp có quyền định-chỉ cái số vé cho mỗi người vay, nghĩa là ai cho vay từ năm vé giở lên thì Chính-phủ có thể rút số vé lại là năm vé mà thôi: những người cho vay năm vé dở xuống thì không bớt gì cả.

Nếu chưa tới ngày hết hạn bán vé, mà Chính-phủ Toàn-quyền xem thấy số cho vay toàn là những người cho kém 5 vé mà số tiền thu đã đủ 2 060.000 đồng rồi, thì sẽ được quyền thôi không bán vé trước ngày 15.

6· — Các phiếu bán thì giao ngay cho người mua lúc bỏ tiền mua phiếu ấy, chậm lắm là đến ngày hết hạn phát hành.

***

Quốc-dân nên biết rằng cuộc quốc-trái này thực là một dịp lợi ít có vì những nhẽ này:

Vé biên bằng số tiền bạc thì bao giờ giá cũng y nguyên, không có khi nào lên xuống gì. Lãi cũng giả bằng bạc, mà không phải trả thuế gì, thành ra vừa được lãi cao, lại vừa chắc-chắn. Lại còn hai sự tiện-dụng như sau này:

1°. — Ở kho bạc, sẽ bằng lòng nhận những vé quốc-trái này làm bảo-lĩnh;

2°. — Những vé này, sẽ được bán tại Đông-Pháp theo như nghị-định 24 Mai 1922.

Các báo mới ở Nam-Kỳ

Nam-kỳ trước kia vẫn là một đất có nhiều báo nhất Đông-Pháp. Thế mà gần đây, lại thấy các báo mới xuất-bản thực nhiều: thật là *« so với mấy năm về trước, đã như giời mới mở lòng khai khiếu cho giống người Việt-Nam »*. Lập hiến-đảng đã có ông *Bùi-quang-Chiêu* mở báo **La Tribune Indochinoise** làm cơ-quan, bản-chí đã giới-thiệu cùng đồng-bào trong kỳ trước. Nay lại nghe tin có

những báo mới khác nữa, xin bày tỏ để đồng-bang cùng biết :

Nhật-Tân-báo mới xuất bản một tờ bằng chữ Pháp, danh hiệu là **L'Ere Nouvelle**. Số đầu đã ra ngày 17 Août. — Báo này mỗi tuần lễ xuất bản hai kỳ, sẽ cùng một chủ-nghĩa với báo **Nhật-Tân**, làm cơ-quan cho phái lao động. Chủ-bút là ông *Tự-Do*; chắc đồng bào cũng đã biết tiếng ông : ông thật là một tay kiện-tướng trong báo-giới Nam kỳ; từ khi còn báo *La Tribune Indigène*, ông đã từng có phen hô-hào trên đàn ngôn luận; báo **Tribunal Indigène** mất đi rồi, ông gác bút một độ, rồi nghe như lại ra viết báo *l'Opinion* Saigon. Ngày nay ông ra đứng chủ-bút báo *L'Ere Nouvelle*, chắc sẽ đem hết tài-lực mà truyền-bá những tư-tưởng mới về xã-hội, và bênh-vực lợi-quyền cho bọn lao động nước nhà. Bản-chí mong cho ông ngôn luận được như ý, mong cho tờ *L'Ere Nouvelle* được xã hội hoan-nghinh mà ngày càng phát đạt.

Ông *Nguyễn-Phan Long* và ông *Bùi-Quang Chiêu* đã được phép mở một tờ báo quốc âm, xuất bản hàng ngày, nhan đề là **Ngọn Đuốc nhà Nam** (*Le Flambeau de l'Annam*,—Nói đến ông Nguyễn và ông Bùi thì chắc ai ai cũng biết rằng : ông *Nguyễn-Phan-Long* là chủ-nhân báo *Écho Annamite*, mà ông *Bùi-Quang Chiêu* là lĩnh-tụ lập-hiến đảng đông pháp. Hai ông đã xuất bản báo mới này, đồng bào Nam-Việt ta có thể chắc rằng **Ngọn Đuốc nhà Nam** sẽ là một cái cơ quan để bênh-vực quyền-lợi người Nam, **Đuốc nhà Nam**, cái tên sáng-sủa thay ! Bản-chí ước ao rằng ngọn đuốc sẽ ngày một tỏ-rõ, sao cho sáng rực một phương Nam sao cho soi khắp nơi hang cùng ngõ hẻm mà chiếu, sáng cho người Nam.

Bản-chí lại mong rằng dân Việt Nam sẽ nhiệt thành mà giúp ông Nguyễn và ông Bùi đốt cho sáng **Đuốc nhà Nam**.

Ông *Cao-văn-Chánh*, tổng-lý báo *Essor Indochinois* (là một tờ báo Pháp-Nam đã xuất bản ở Saigon được vài năm nay) nay cũng xin được phép mở một tờ báo quốc-văn : báo tên là **Tân-thế-kỷ**, khi xuất bản sẽ ra mỗi ngày một kỳ : nhưng chưa rõ đã xuất bản chưa ?

Lại ông Đốc-Tờ *Lê Quang-Trinh* cũng được chính phủ cho xuất bản một tờ báo quốc âm. Nghe như báo ấy sẽ đặt tên là **Van-Minh báo** nhưng không rõ bao giờ sẽ ra đời, mà xuất-bản ra cách thế nào ?

Ông *Trần-quang-Nghiệm* cũng được mở một tờ báo quốc-âm, nhan-đề là **Pháp-Việt nhật gia** (*L'Entente franco-annamite*) ; báo này mỗi tuần lễ sẽ ra bảy kỳ, nhưng hình như còn chưa ra đời.

Bản chí xin có nhời chúc mừng bạn đồng-nghiệp mới ; mong rằng các bạn sẽ tận tâm làm việc cho đồng-bào ; và xin giới thiệu cùng đồng bào.

Giới thiệu sách mới

Bản-chí tiếp được những quyển sách sau này, xin giới-thiệu để đồng-nhân cùng biết :

1. — **Tập tùng-biên của hội Tri-tri Haiphong** : Tập này ba tháng xuất bản một kỳ. Mục-đích để thâu thái lấy những tư-tưởng học thuật đông tây, bồi-bổ nền quốc-văn và truyền bá chủ nghĩa của hội. Thể-tài thì giống như một quyển Tạp-chí. Tòa soạn của tùng-biên có những ông sau này : Vũ-Túc biệt hiệu Trác-ngọc, Trần-văn-Thược biệt hiệu Tang-chi, Nguyễn-xuân-Sơn biệt hiệu Đạm-quang, Nguyễn-thế-Nức biệt hiệu U-lan, Vũ-Kính biệt hiệu Tòng nông, Đinh-gia-Hân biệt hiệu Cảnh-viêm. — Nhà in Nguyễn-Kính công-ty Haiphong ấn hành.

3. — **Sách luận quốc-văn**, dùng cho học trò thi bằng **Sơ-học yếu-lược**. — Soạn giả : Nguyễn-văn-Nhã, giáo học trường Bắc-ninh, sách này là một quyển sách dạy về cách làm luận và có những bài luận đã làm sẵn hoặc mới ra đầu bài; tất cả 120 bài, đủ sáu loại văn: tả cảnh, tả người, tả vật, kể truyện, bàn luận, viết thư. Thực là sách có ích cho các cậu đi thi **Sơ-học yếu-lược**. — Dày 82 trang, giá bán 0 $ 30. — Quan-Phương ấn-quán Hanoi ấn hành.

4. — **Một trăm bài ám-tả** của ông Lê Diễm soạn cũng là một quyển sách giáo-khoa dùng cho các trường Sơ học Pháp-Việt. Sách soạn rất công phu, theo chương trình nhà nước, những bài ám-tả trong sách có ít bài của soạn-giả, còn toàn trích những văn thơ của các nhà văn-nhân thi-sĩ đời xưa và đời nay, dưới mỗi bài, có một bài hỏi để các học-sinh giải nghĩa, hoặc hỏi về ý-tứ trong bài, hoặc hỏi về lịch-sử tác giả, hoặc hỏi về mẹo quốc-ngữ. Sách này bán tại nhà soạn giả ở phố hàng Bầy số 23 (rue Duvillier) Hanoi, mỗi quyển 0 $ 30. — Văn Minh ấn-quán ấn-hành.

5. — **Hai ngày ở Am-dật-sĩ Nguyễn-duy-Chính**, là một quyển tiểu thuyết mới, ông Nguyễn-văn Lịch soạn ra, sách dày 68 trang, giá bán 0 $ 15, Nhà in Kim-Đức-Giang Hanoi ấn-hành.

6. — **Đảng « Mắt yêu »** là một bộ trinh-thám tiểu-thuyết của ông Vũ-công-Định dịch-thuật. Quyển thứ nhất đã xuất bản, còn độ 4-5 quyển nữa thời hết bộ, giá mỗi quyển 0 $ 04, dầy 16 trang. — **Duy-Tân thư-quán** 15 Phố Blockhaus Nord Hanoi xuất bản.

(Những quyển mới nhận được, không kịp giới-thiệu vào kỳ này, xin để đến kỳ sau.)

LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mùi, tính như sau này:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính trừ 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10 %. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHI

